

MỞ ĐẦU

1- Sự cần thiết của đề tài:

Xây dựng là một ngành sản xuất vật chất tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển nền kinh tế quốc dân, nhất là trong thời kỳ nước ta hội nhập và phát triển như hiện nay, các công trình, khu công nghiệp đua nhau mọc lên, số vốn đầu tư xây dựng cơ bản cũng gia tăng. Do vậy, chúng ta cần có biện pháp quản lý vốn một cách hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí vốn. Để quản lý được vốn xây dựng cơ bản, chúng ta phải có biện pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành hợp lý. Đối với doanh nghiệp xây lắp, hạch toán đúng chi phí sản xuất, tính đúng giá thành sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp có cái nhìn chính xác về thực trạng, khả năng của mình và thông qua những thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm do kế toán cung cấp, những nhà quản lý nắm được chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm từng loại hoạt động, từng sản phẩm cũng như kết quả của toàn bộ hoạt động kinh doanh để phân tích đánh giá tình hình sử dụng tài sản vật tư, nhân lực... và đưa ra biện pháp sản xuất khoa học, hiệu quả nhằm tiết kiệm chi phí không cần thiết, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà em nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Xuất phát từ ý nghĩa thực tế trên và qua thời gian thực tập, tìm hiểu tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà em quyết định chọn đề tài:

"Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà".

2- Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- Về mặt lý luận: hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà.
- Về mặt thực tế : mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà.

3- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

* Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà.

* Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Đề tài được thực hiện tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà.

- Về thời gian: Đề tài được thực hiện từ ngày 13/04/2010 đến ngày 15/06/2010.

- Việc phân tích được lấy từ số liệu của năm 2009.

4- Phương pháp nghiên cứu:

Bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối); các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp chi tiết, phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ); các phương pháp thống kê trong việc nghiên cứu mặt lượng của các sự vật hiện tượng số lớn để tìm ra bản chất và tính quy luật của chúng (mặt chất) như phương pháp điều tra chọn mẫu; các phương pháp toán (quy nạp, diễn dịch); phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa những thành tựu đã đạt được.

5- Nội dung và kết cấu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài khóa luận chia thành 3 phần như sau:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà.

Chương 3: Một số ý kiến nhận xét và đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà.

Vì thời gian có hạn nên trong quá trình viết khóa luận, em không tránh khỏi những thiếu sót, em mong thầy cô góp ý để khóa luận được hoàn thiện hơn. Đồng thời em xin cảm ơn PGS.TS Thịnh Văn Vinh đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp

Nền kinh tế thị trường nước ta đang diễn ra rất sôi động, việc ra nhập vào tổ chức Thương mại thế giới WTO càng làm cho nền kinh tế Việt Nam không ngừng tăng trưởng và được đánh giá là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước, công tác xây dựng cơ bản đang chiếm một vị trí vô cùng quan trọng và trở thành “xương sống” của nền kinh tế. Trong cơ chế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì các doanh nghiệp đều phải cạnh tranh lẫn nhau thông qua nhiều hình thức, trong đó chất lượng và giá cả là hai vấn đề được quan tâm nhất. Vì vậy muốn đứng vững trên thị trường, các doanh nghiệp luôn phải tìm cách hạ giá thành sản phẩm của mình một cách hợp lý để khách hàng có thể chấp nhận được. Muốn vậy doanh nghiệp phải biết chính xác giá thành sản phẩm của mình làm ra để từ đó phân tích, tìm ra biện pháp nhằm sử dụng hợp lý hơn nữa các yếu tố cấu thành nên sản phẩm xây lắp. Điều đó có nghĩa là phải tổ chức hạch toán chính xác chi phí sản xuất và tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm xây lắp.

Tuy nhiên công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở các ngành sản xuất vật chất nói chung và ngành xây dựng cơ bản nói riêng ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn do các nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan. Do đó công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đóng vai trò quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp xây dựng cơ bản nói riêng và đất nước nói chung trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhất là trong điều kiện đất nước ta còn nhiều khó khăn.

1.2 Khái niệm, phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

1.2.1 Chi phí sản xuất

a. Khái niệm

Chi phí sản xuất: là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp phải chi ra có liên quan đến hoạt động

sản xuất của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

b. Phân loại chi phí sản xuất

❖ *Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế.*

- Chi phí nguyên vật liệu: Gồm nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ.

- Chi phí nhân công: Tiền lương và các khoản trích theo lương, thưởng, phụ cấp của công nhân trực tiếp sản xuất, nhân viên quản lý sản xuất ở đội xây dựng của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: là toàn bộ phải trích khấu hao, trích trước chi phí sửa chữa lớn trong tháng đối với tất cả các TSCĐ có trong doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài là số tiền phải trả về các loại dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho việc sản xuất như chi phí thuê máy, tiền nước, tiền điện...

- Chi phí khác bằng tiền là chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất ngoài các yếu tố chi phí nói trên như chi phí bằng tiền mặt, chi phí tiếp khách.

❖ *Phân loại chi phí sản xuất xây lắp theo mục đích, công dụng của chi phí.*

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Chi phí nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu của công trình, vật liệu luân chuyển cần thiết để tạo nên sản phẩm xây lắp như: Xi măng, sắt thép, gạch, cát, đá, sỏi, gỗ...

- Chi phí nhân công trực tiếp: Chi phí về tiền lương và các khoản phụ cấp khác, tiền công phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp và phục vụ xây lắp, công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công.

- Chi phí máy thi công: Là chi phí khi sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp hoạt động xây lắp công trình gồm: Chi phí khấu hao máy thi công, chi phí sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên máy thi công, động lực, tiền lương của công nhân điều khiển máy và chi phí khác.

- Chi phí sản xuất chung: là các khoản chi phí liên quan đến việc tổ chức phục vụ, quản lý thi công của các Đội xây lắp ở các công trường xây dựng.

❖ *Phân loại chi phí sản xuất theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất vào các đối tượng chịu chi phí*

- Chi phí trực tiếp: Là các chi phí sản xuất quan hệ trực tiếp với từng đối tượng chịu chi phí (từng loại sản phẩm được sản xuất, từng công việc được thực hiện ...). Các chi phí này được kế toán căn cứ trực tiếp vào các chứng từ phản ánh chúng để tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng liên quan.

- Chi phí gián tiếp: Là những chi phí sản xuất liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí, chúng cần được tiến hành phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí theo tiêu thức phân bổ thích hợp.

1.2.2 Giá thành sản phẩm

a. Khái niệm

Giá thành sản phẩm: là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp phải chi ra có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành trong kỳ (bất kể chi phí đó phát sinh ở kỳ nào, có thể là chi phí phát sinh trong kỳ, phát sinh kỳ trước chuyển sang, hoặc phát sinh ở kỳ sau nhưng được trích trước vào kỳ này)

Trong xây dựng cơ bản, giá thành sản xuất là biểu hiện bằng tiền của hao phí về vật liệu, nhân công, sử dụng máy thi công và các phí tổn khác để hoàn thành khối lượng xây lắp.

b. Phân loại giá thành sản phẩm

Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm của ngành xây lắp là những công trình vật, kiến trúc ...có giá trị lớn và thời gian sản xuất kéo dài mà mình hình thành nên chỉ tiêu tính giá thành khác nhau. Hiện nay chỉ tiêu tính giá thành sản phẩm xây lắp bao gồm :

- 1) Căn cứ vào thời điểm tính giá thành thì giá thành sản phẩm xây lắp được chia làm ba loại :

* *Giá thành dự toán :*

Được xác định theo mức và khung giá để hoàn thành khối lượng xây lắp. Mỗi sản phẩm xây lắp đều có giá dự toán riêng và giá này được sử dụng làm thước đo cho toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm, sản phẩm xây lắp được xây dựng theo giá

dự toán do cấp có thẩm quyền duyệt. Đồng thời, thời gian sử dụng sản phẩm xây lắp rất lâu dài đòi hỏi việc giám sát chất lượng theo thiết kế. Giá dự toán xây lắp trước hết bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước. Giá dự toán xây lắp sau thuế bao gồm giá trị dự toán xây lắp trước thuế và các khoản thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Giá thành dự toán = Giá dự toán của công trình – Phần lợi nhuận định mức

* *Giá thành kế hoạch :*

Là chỉ tiêu được xác định dựa trên cơ sở giá thành dự toán gắn với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thành} & = & \text{Giá thành} & - & \text{Mức hạ giá thành} \\ \text{Kế hoạch} & & \text{Dự toán} & & \text{Dự toán} \end{array}$$

Với doanh nghiệp không có giá dự toán thì giá thành được xác định trên cơ sở giá thành thực tế năm trước và các định mức kỹ thuật của doanh nghiệp. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là cơ sở đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và hạ giá thành của doanh nghiệp. Mức hạ giá thành dự toán dựa theo điều kiện doanh nghiệp có thể khai thác được nguồn nguyên liệu rẻ. Trong điều kiện đấu thầu thì vị trí của doanh nghiệp thuận lợi cho quá trình thi công và khai thác nguyên vật liệu và nhân công với khả năng hạ giá thành là lớn nhất và sẽ có khả năng thắng thầu lớn nhất.

* *Giá thành thực tế:*

Là giá thành được xác định thực tế theo số liệu hao phí thực tế liên quan đến khối lượng xây lắp hoàn thành bao gồm chi phí định mức, vượt định mức và các chi phí khác.

Để tiện cho việc theo dõi chặt chẽ các chi phí phát sinh, người ta còn phân chia thành giá thành công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

2) Căn cứ vào phạm vi của chỉ tiêu giá thành giá thành sản phẩm xây lắp lại chia ra làm hai loại : giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ.

* *Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp :*

Là giá thành chỉ bao gồm những chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng

hay lắp đặt sản phẩm xây lắp.

<i>Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp</i>	<i>Chi phí = nguyên vật liệu trực tiếp</i>	<i>Chi phí + nhân công trực tiếp</i>	<i>Chi phí + máy thi + Công</i>	<i>Chi phí sản xuất chung</i>
--	--	--	---	---------------------------------------

* *Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ)*

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất , tiêu thụ sản phẩm xây dựng.

<i>Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ</i>	<i>= Giá thành sản xuất của sản phẩm</i>	<i>+ Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>+ Chi phí tiêu thụ sản phẩm</i>
--	--	---	--

3) Nếu dựa vào phạm vi tính giá thành có thể phân thành :

- * *Giá thành hoàn chỉnh* : bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến công trình, hạng mục công trình hoàn thành (chi phí bỏ ra từ lúc khởi công đến khi công trình hoàn thành đưa bàn giao cho chủ đầu tư)
- * *Giá thành không hoàn chỉnh* : phản ánh giá thành của một khối lượng công việc xây lắp đạt tới điểm dừng kỹ thuật nhất định, cho phép kiểm tra phát sinh kịp thời để điều chỉnh cho thích hợp ở giai đoạn sau khi phát hiện nguyên nhân gây ra tăng giảm chi phí.

Ngoài ra trong xây dựng cơ bản còn sử dụng hai chỉ tiêu mà thường được gọi là giá thành nhưng thực chất là giá bán.

- * *Giá thầu xây lắp* : là một loại giá thành dự toán xây lắp do chủ đầu tư đưa ra để các doanh nghiệp căn cứ vào đó tính giá thành của mình (còn gọi là giá thành dự thầu công tác xây lắp). Nếu thấy giá thành của mình thấp hơn giá đấu thầu thì sẽ tăng giá thầu công tác xây lắp công trình. Giá đấu thầu công tác xây lắp do chủ đầu tư đưa ra về nguyên tắc chỉ bằng hoặc nhỏ hơn giá thành dự toán. Có như vậy, chủ đầu tư mới tiết kiệm được vốn đầu tư và hạ thấp chi phí về lao động.
- * *Giá hợp đồng công tác xây lắp* : là loại giá thành dự toán xây lắp ghi trong hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp sau khi thoả thuận giao nhận thầu. Đó cũng là giá thành của doanh nghiệp xây lắp thắng trong cuộc

đầu thầu và được chủ đầu tư ký trong hợp đồng giao thầu. Về nguyên tắc, giá thành hợp đồng chỉ được nhỏ hơn hoặc bằng giá thầu công tác xây lắp.

Việc áp dụng các loại giá thành sản phẩm xây lắp trên là yếu tố quan trọng của việc hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế trong xây dựng tạo được sự mềm dẻo trong mối quan hệ giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp, sử dụng triệt để quan hệ hàng - tiền. Đồng thời trao lại quyền chủ động trong kinh doanh cho đơn vị xây lắp.

1.3 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.3.1 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất xây lắp có thể là công trình, hạng mục công trình, có thể là giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá dự toán riêng hoặc có thể là nhóm công trình, là đơn vị thi công. Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến việc tính giá thành của sản phẩm xây lắp. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp được tập hợp theo mục đích, công dụng của chi phí. Từ khi bắt đầu khởi công đến khi hoàn thành bàn giao quyết toán, mỗi đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đều được mở sổ để theo dõi. Các sổ chi tiết này được tập hợp theo từng tháng và theo dõi theo từng khoản mục gồm :

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : TK 621
- Chi phí nhân công trực tiếp : TK 622
- Chi phí sử dụng máy thi công : TK 623
- Chi phí sản xuất chung : TK 627

1.3.2 Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Trong xây dựng cơ bản, do tổ chức sản xuất mang đặc điểm đơn chiếc, mỗi sản phẩm xây lắp đều có dự toán, thiết kế riêng nên đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành.

Việc xác định đối tượng tính giá thành phẩm cũng phải căn cứ vào đặc điểm cơ cấu tổ chức sản xuất , đặc điểm quy trình công nghệ sản phẩm, yêu cầu hạch toán kế toán kinh tế và quản lý của doanh nghiệp. Như vậy, đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành giống nhau ở bản chất chung. Chúng đều là phạm vi giới hạn để tập hợp chi phí theo đó và cùng phục vụ công tác quản lý, phân tích kiểm tra chi phí giá thành. Tuy nhiên , chúng có những đặc điểm khác nhau chủ yếu sau : Xác định đối tượng tập hợp chi phí là xác định phạm vi phát sinh chi phí , còn xác định đối tượng tính giá thành là xác định chi phí có liên quan đến kết quả của quá trình sản xuất. Một đối tượng tập hợp chi phí có thể có nhiều đối tượng tính giá thành.

1.4 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

a. Phương pháp hạch toán kế toán chi phí theo công trình, hạng mục công trình :

Áp dụng khi đối tượng hạch toán kế toán chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ công trình hay từng hạng mục công trình. Chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến hạng mục hay nhóm công trình nào thì tập hợp cho hạng mục hay công trình đó theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

b. Phương pháp hạch toán kế toán chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng:

Trong kỳ , chi phí phát sinh sẽ được tập hợp và phân loại theo đơn đặt hàng riêng biệt. Khi đơn đặt hàng hoàn thành thì tổng số chi phí phát sinh kể từ khi hoàn thành chính là giá thành của đơn đặt hàng đó.

c. Phương pháp hạch toán kế toán chi phí sản xuất theo đơn vị thi công (công trường , đội thi công) :

Các chi phí phát sinh được tập hợp theo từng đơn vị thi công. Trong từng đơn vị thi công lại được tập hợp theo mỗi đối tượng tập hợp chi phí như hạng mục công trình , nhóm hạng mục công trình ... Cuối kỳ , kế toán tổng hợp chi phí phát sinh ở từng công trình , hạng mục công trình đó bằng phương pháp trực tiếp, phương pháp tổng cộng chi phí...

d. Phương pháp hạch toán kế toán chi phí theo khối lượng công việc hoàn thành:

Theo phương pháp này , toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ nhất định được tập hợp cho đối tượng tập hợp chi phí. Giá thành thực tế của khối lượng công tác xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công tác xây lắp đó.

1.5 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.

a. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

❖ Nội dung, phương pháp tập hợp

Trong tổng chi phí sản phẩm xây lắp thì chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp là những chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình, vật liệu luân

chuyển tham gia cấu thành thực thể công trình xây lắp hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không bao gồm vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và sử dụng cho quản lý Đội công trình.

Kế toán áp dụng phương pháp tập hợp trực tiếp đối với những chi phí vật liệu liên quan đến một công trình, hạng mục công trình; áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp khi chi phí vật liệu dùng vào việc xây dựng nhiều hạng mục công trình mà không thể tập hợp trực tiếp.

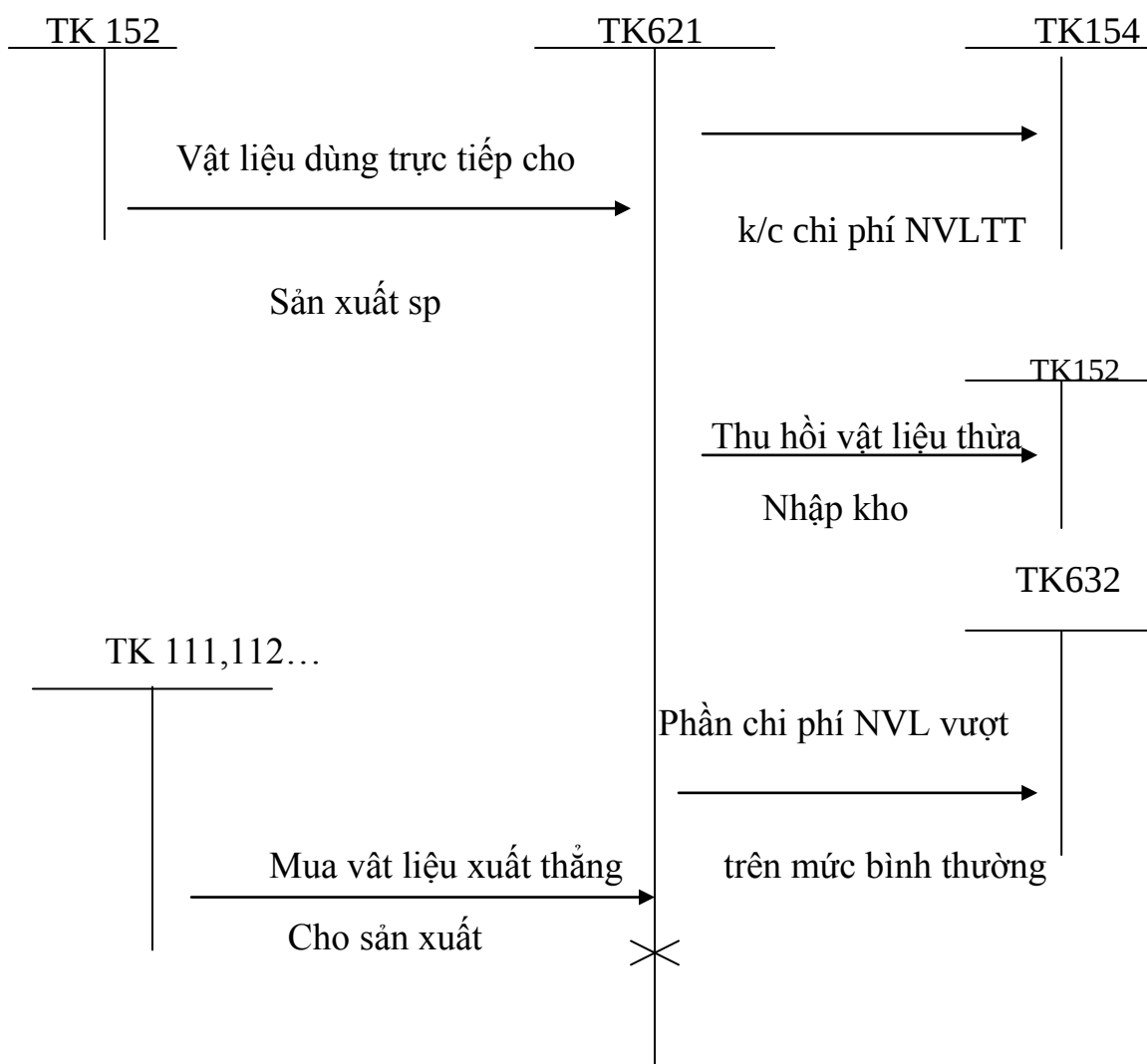
❖ Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. TK 621 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình, từng khối lượng xây lắp, các giai đoạn qui ước đạt điểm dừng kỹ thuật có dự toán riêng.

- Bên nợ : Phản ánh giá trị nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp thi công công trình, hạng mục công trình trong kỳ .

- Bên có : + Phản ánh giá trị nguyên vật liệu dùng không hết nhập vào kho
+ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



b. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

❖ Nội dung, phương pháp tập hợp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương, tiền công phải trả cho số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công tác xây lắp, công nhân phục vụ xây lắp kể cả công nhân vận chuyển bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

Tiền lương, tiền công phải trả cho công nhân liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì phải hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Trong điều kiện sản xuất xây lắp không cho phép tính trực tiếp chi phí nhân công cho từng công trình, hạng mục công trình thì kế toán phải phân bổ chi

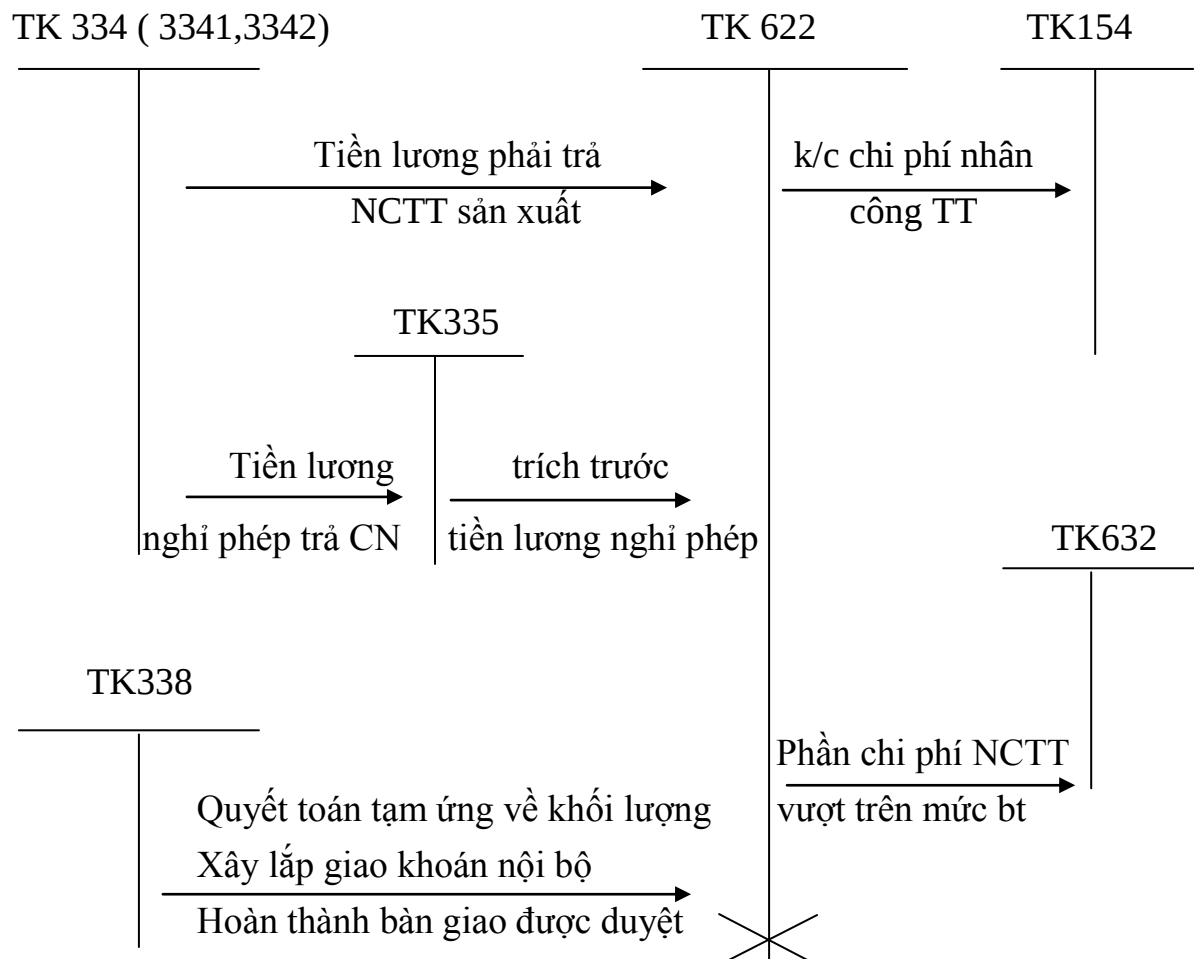
phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng theo tiền lương định mức hay gia công định mức.

❖ Tài khoản sử dụng

Phản ánh chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản 622 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Bên nợ: phản ánh các khoản phải trả công nhân trực tiếp tại phân xưởng.
- Bên có: kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào chi phí kinh doanh dở dang

Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp



c. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công:

❖ Nội dung, phương pháp tập hợp:

Máy thi công là loại xe máy chạy bằng động lực (điện, xăng dầu, khí nén) được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp các công trình.

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác có liên quan đến sử dụng máy thi công.

❖ Tài khoản sử dụng:

Để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản 623 chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đối với các trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công thủ công vừa thi công bằng máy. Không hạch toán vào tài khoản này các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) của công nhân sử dụng máy thi công.

TK 623 có 6 TK cấp 2:

TK 6231 – chi phí nhân công

TK 6232 – chi phí vật liệu

TK 6233 – chi phí dụng cụ

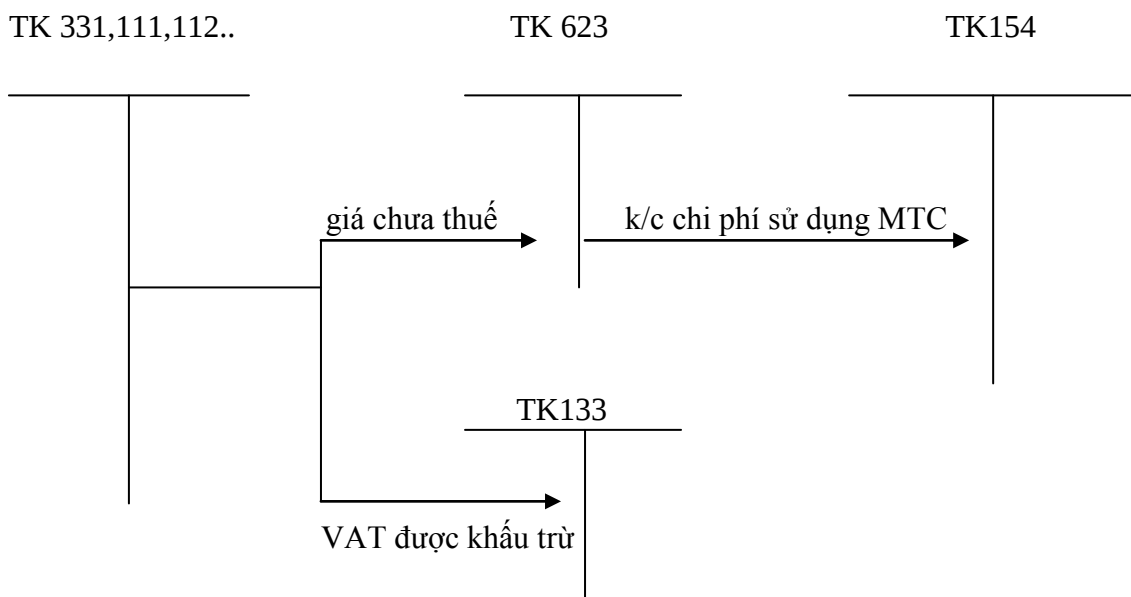
TK 6234 – chi phí khấu hao máy thi công

TK 6237 – chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6238 – chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:

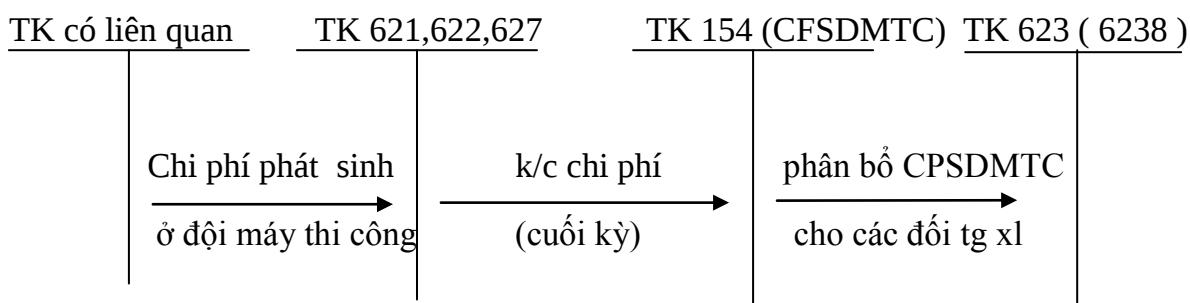
-Trường hợp thuê ngoài



-Trường hợp doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng và có tổ chức kế toán riêng.

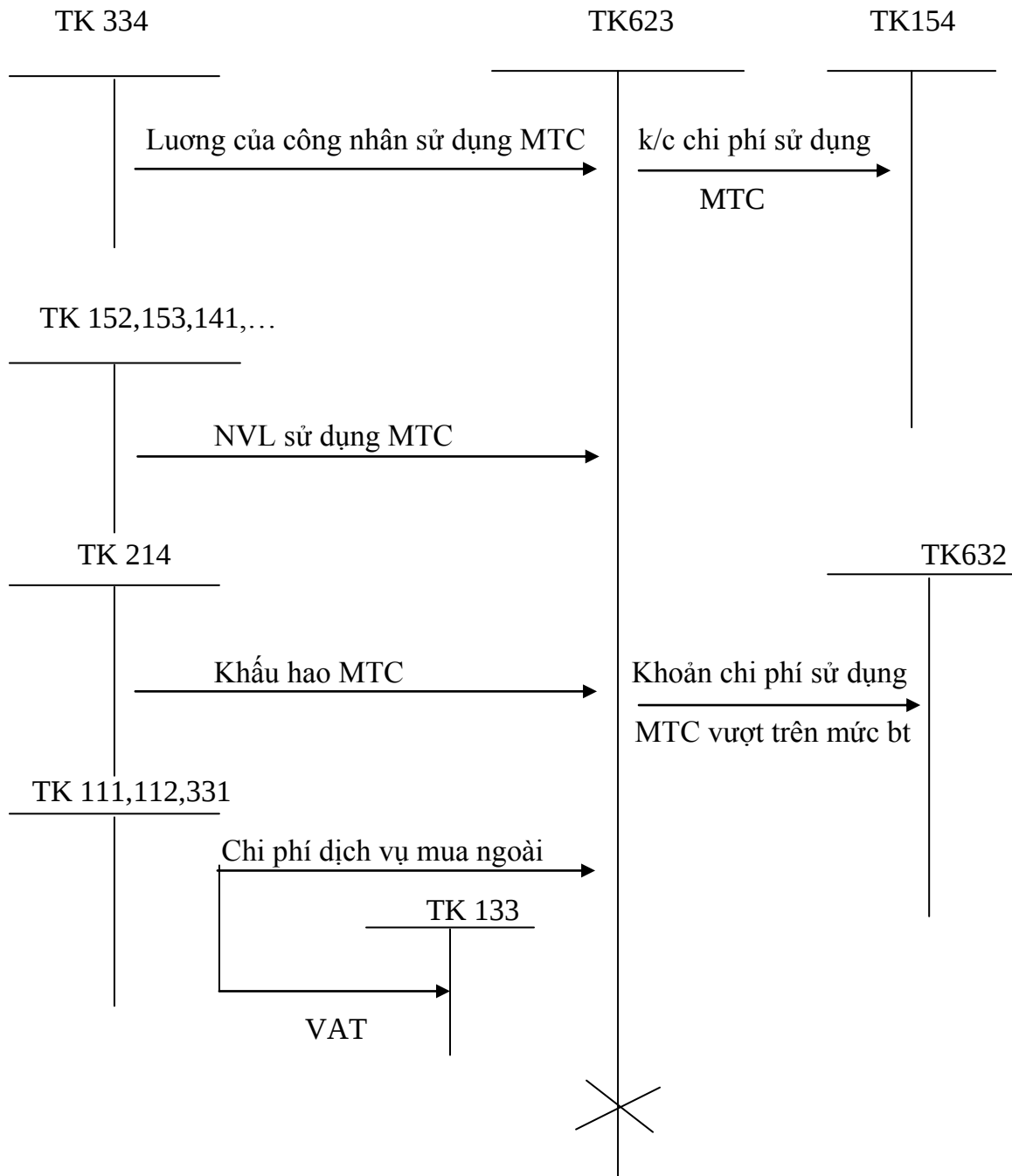
Toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến đội máy thi công được tập hợp riêng trên các TK 621, TK 622, TK 627. Cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 để tính giá thành ca máy. Từ đó xác định giá trị mà đội thi công phục vụ cho từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình).

-Nếu doanh nghiệp thực hiện theo phương thức cung cấp lao vụ máy lẫn nhau giữa các bộ phận



-Trường hợp từng đội xây lắp có máy thi công riêng nhưng không tổ chức hệ thống kế toán riêng.

Trường hợp này các chi phí có liên quan đến máy thi công được tập hợp riêng, cuối kỳ phân bổ hoặc kết chuyển theo từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình). Chi phí sử dụng máy thi công sẽ hạch toán kế toán theo sơ đồ:



d. Kế toán chi phí sản xuất chung:

❖ Nội dung, phương pháp tập hợp

Chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ và quản lý thi công của các Đội xây lắp ở các công trường xây dựng. Chi phí sản xuất chung được tập hợp cho từng đối tượng theo phương pháp gián tiếp.

❖ Tài khoản sử dụng: Phản ánh chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung”.

TK 627 có 6 tài khoản cấp 2:

TK 6271 – chi phí nhân viên đội sản xuất

TK 6272 – chi phí vật liệu

TK 6273 – chi phí dụng cụ sản xuất

TK 6274 – chi phí khấu hao tài sản cố định

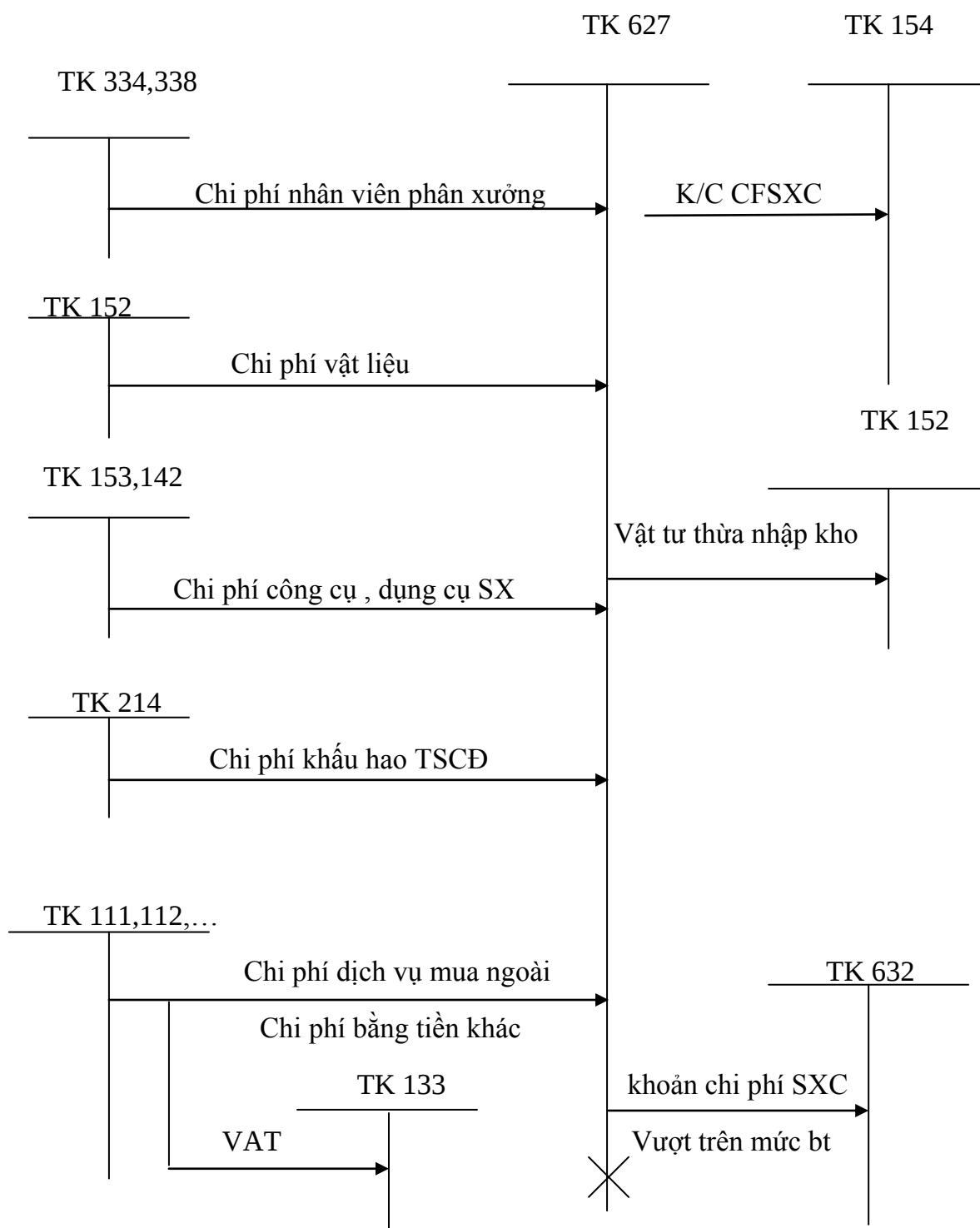
TK 6277 – chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278 – chi phí bằng tiền khác

- Bên nợ: phản ánh các khoản chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong kỳ.

- Bên có: kết chuyển chi phí sản xuất chung vào tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung



e. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất:

❖ Nội dung, phương pháp tập hợp:

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm xây lắp thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ, trên cơ sở các bảng tính toán phân bổ các chi phí phát sinh cho các đối tượng tập hợp chi

phí đã được xác định. Việc tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành phải thực hiện theo từng công trình, hạng mục công trình và các khoản mục chi phí đã được quy định.

❖ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”(nếu DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên) TK 154 được mở chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (Đội sản xuất, công trường, phân xưởng...), theo từng công trình, hạng mục công trình hoặc nhóm hạng mục công trình, chi tiết cho từng loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ khác. Sử dụng TK 631 “Giá thành sản xuất” (nếu DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ).

TK 154 có 4 tài khoản cấp 2:

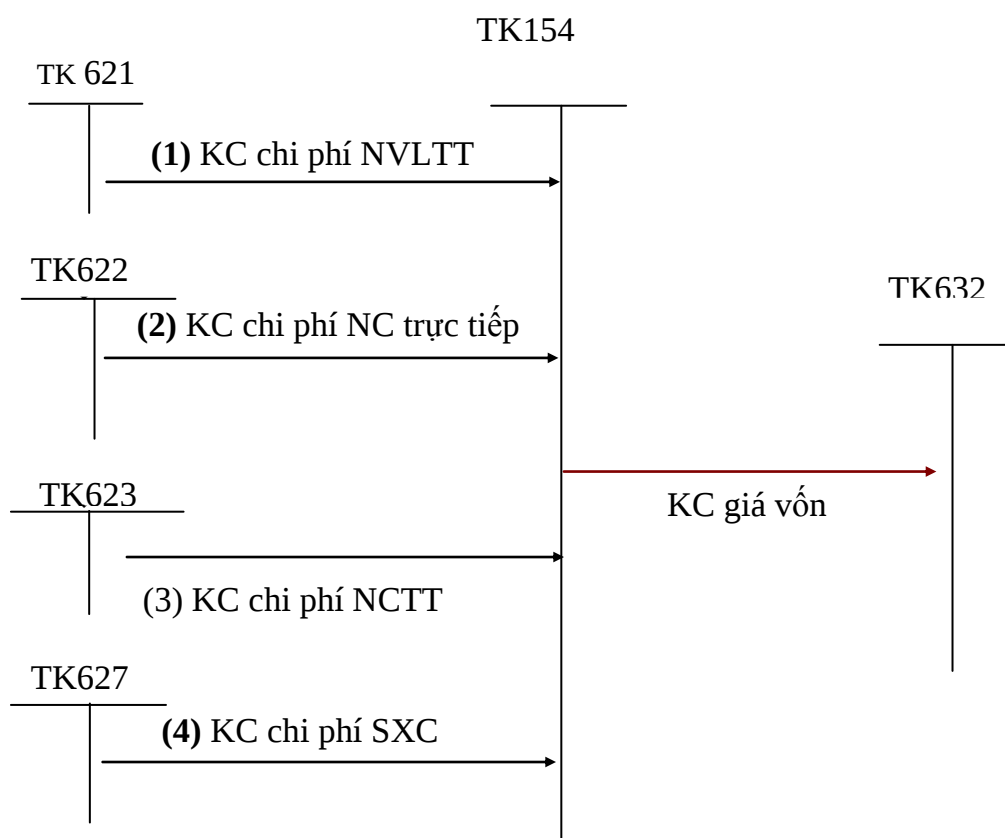
TK 1541 – xây lắp

TK 1542 – sản phẩm khác

TK 1543 – dịch vụ

TK 1544 – chi phí bảo hành xây lắp

Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.6 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Sản phẩm dở dang trong xây dựng có thể là công trình, hạng mục công trình dở dang chưa hoàn thành, khối lượng xây lắp thi công dở dang chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, thanh toán.

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán, xác định phần chi phí sản xuất cho khối lượng làm dở cuối kỳ theo những nguyên tắc nhất định.

Chi phí sản xuất tính cho sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ được tính toán trên cơ sở phân bổ chi phí xây lắp thực tế phát sinh cho các khối lượng công việc hay giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành trên cơ sở tiêu thức phân bổ là giá trị dự toán hay chi phí dự toán. Trong đó các công việc hay giai đoạn xây lắp dở dang có thể được tính theo mức độ hoàn thành.

Chi phí thực tế của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định như sau

$$D_{ck} = \frac{Ddk + C}{C_{dt} + C'_{dt}} \times C'_{dt}$$

Trong đó:

D_{dk}, D_{ck} : Chi phí thực tế của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

C : Chi phí xây lắp thực tế phát sinh

C_{dt} : Chi phí dự toán (giá trị dự toán) của khối lượng hay giai đoạn xây lắp hoàn thành trong kỳ theo dự toán.

C'_{dt} : Chi phí (giá trị) của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán tính theo mức độ hoàn thành tương đương.

Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang:**** Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán:***

Theo phương pháp này chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} & = & \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ}}{\text{Chi phí của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán}} & + & \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{Chi phí của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán}} & \times & \text{Chi phí của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyển theo dự toán}
 \end{array}$$

*** Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo tỷ lệ hoàn thành tương đương:**

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} & = & \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ}}{\text{Chi phí của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán}} & + & \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{Chi phí của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính đổi theo sản lượng hoàn thành tương đương}} & \times & \text{Chi phí của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyển theo sản lượng hoàn thành tương đương}
 \end{array}$$

*** Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán:**

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} & = & \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ}}{\text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ}} & + & \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính chuyển theo sản lượng hoàn thành}} & \times & \text{Giá trị dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ}
 \end{array}$$

1.7 Phương pháp giá thành sản phẩm

a. Phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng} & & \text{Giá trị} & & \text{CPSX} & & \text{Giá trị} \\ \text{giá} & = & \text{Spdd} & + & \text{phát sinh} & - & \text{Spdd} \\ \text{thành} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Để phục vụ cho việc tính giá thành theo khoản mục người ta thường lập bảng tính giá thành theo khoản mục như sau:

Khoản mục	Giá trị spdd đầu kỳ	CPSX phát sinh trong kỳ	Giá trị spdd cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
1. CPNVLT					
2. CPNCTT					
3. CPSDMTC					
4. CPSXC					
Tổng					

b. Phương pháp tổng cộng chi phí

Tổng giá thành được xác định bằng cách tổng cộng chi phí sản xuất của các chi tiết hoặc các bộ phận sản xuất:

$$\sum Z = Z_1 + Z_2 + Z_3 + \dots + Z_n$$

c. Phương pháp tính giá thành theo định mức:

Nội dung của phương pháp cụ thể như sau :

- Căn cứ vào định mức chi phí hiện hành kết hợp với dự toán chi phí được duyệt, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm theo định mức.
- So sánh chi phí thực tế phát sinh cộng với định mức để xác định số chênh lệch. Tập hợp thường xuyên và phân tích các chênh lệch đó để kịp thời đề ra biện pháp khắc phục nhằm hạ giá thành sản phẩm.

- Trên cơ sở tính giá thành định mức, số chênh lệch do thay đổi định mức, số chênh lệch so với định mức, kế toán tiến hành xác định giá thực tế của sản phẩm xây lắp theo công thức sau :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành} & & \text{Chênh lệch} & & \text{Thay đổi} \\ \text{thực tế} & = & \text{định mức của} & \pm & \text{định mức} & \pm & \text{định mức} \\ \text{của sản phẩm} & & \text{sản phẩm} & & & & \end{array}$$

Phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp. Tuy nhiên, để phương pháp này thực sự phát huy được tác dụng, kế toán cần tổ chức được hệ thống định mức tương đối chính xác và cụ thể, công tác hạch toán kế toán ban đầu cần phải chính xác và chặt chẽ.

d. Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng:

Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu các công trình theo đơn đặt hàng, khi đó đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là đơn đặt hàng đã hoàn thành. Chu kỳ sản xuất của mỗi đơn đặt hàng thường dài, kỳ tính giá thành phù hợp với chu kỳ sản xuất. Chỉ khi nào đơn đặt hàng hoàn thành mới tính giá thành. Kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo.

Theo phương pháp này, kế toán giá thành mở cho mỗi đơn đặt hàng một bảng tính giá thành. Hàng tháng căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh được tập hợp lại theo từng đơn đặt hàng và khi nào hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất tập hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó. Trong trường hợp nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được đến thời điểm đó của từng đơn đặt hàng sẽ là chi phí của khối lượng xây lắp dở dang.

1.8 Tổ chức hệ thống sổ và báo cáo kế toán về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Sổ kế toán tổng hợp: Tùy theo từng hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng, kế toán sẽ tổ chức hệ thống sổ kế toán tương ứng với từng hình thức để thực hiện kế toán các chỉ tiêu tổng hợp về chi phí sản xuất. Nhưng ở hình thức nào cũng có chung hình thức sổ cái tổng hợp, mỗi tài khoản kế toán tổng hợp được mở một sổ cái và nó đều phản ánh một chỉ tiêu về chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp. Nó cung cấp các chỉ tiêu thông tin để lập báo cáo tài chính về chi phí giá thành. Cụ thể:

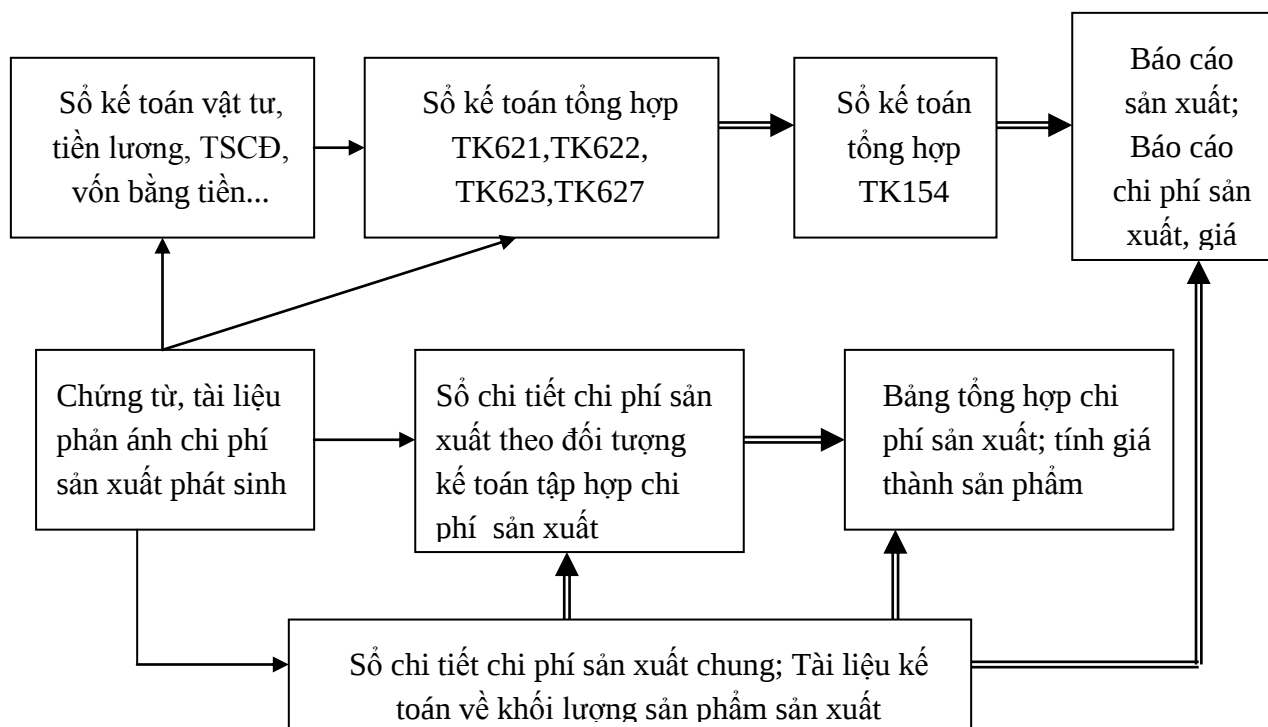
- Theo hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”, thì sổ kế toán tổng hợp bao gồm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 621, TK622, TK 623, TK627, TK 154.

- Theo hình thức kế toán “Nhật ký chứng từ”, hệ thống sổ kế toán tập hợp là các nhật ký chứng từ, sổ cái TK 621, TK622, TK 623, TK 627, TK154, các bảng kê và bảng phân bổ.

- Theo hình thức kế toán “ nhật ký chung”, hệ thống sổ kế toán tổng hợp bao gồm: sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái TK 621, TK 622, TK 623, TK 627, TK 154.

Sổ kế toán chi tiết : Tuỳ theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp về chi phí sản xuất và giá thành mà kế toán sẽ mở các sổ chi tiết để kế toán các chỉ tiêu chi tiết về chi phí sản xuất đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin về các doanh nghiệp. Thông thường mở sổ chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

Quy trình ghi sổ kế toán và báo cáo chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thay thế Quyết định số 1141TC/QĐ/CĐKT ngày 01-11-1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành “ Chế độ kế toán doanh nghiệp”.

Do đó ta có các hình thức sổ kế toán như sau :

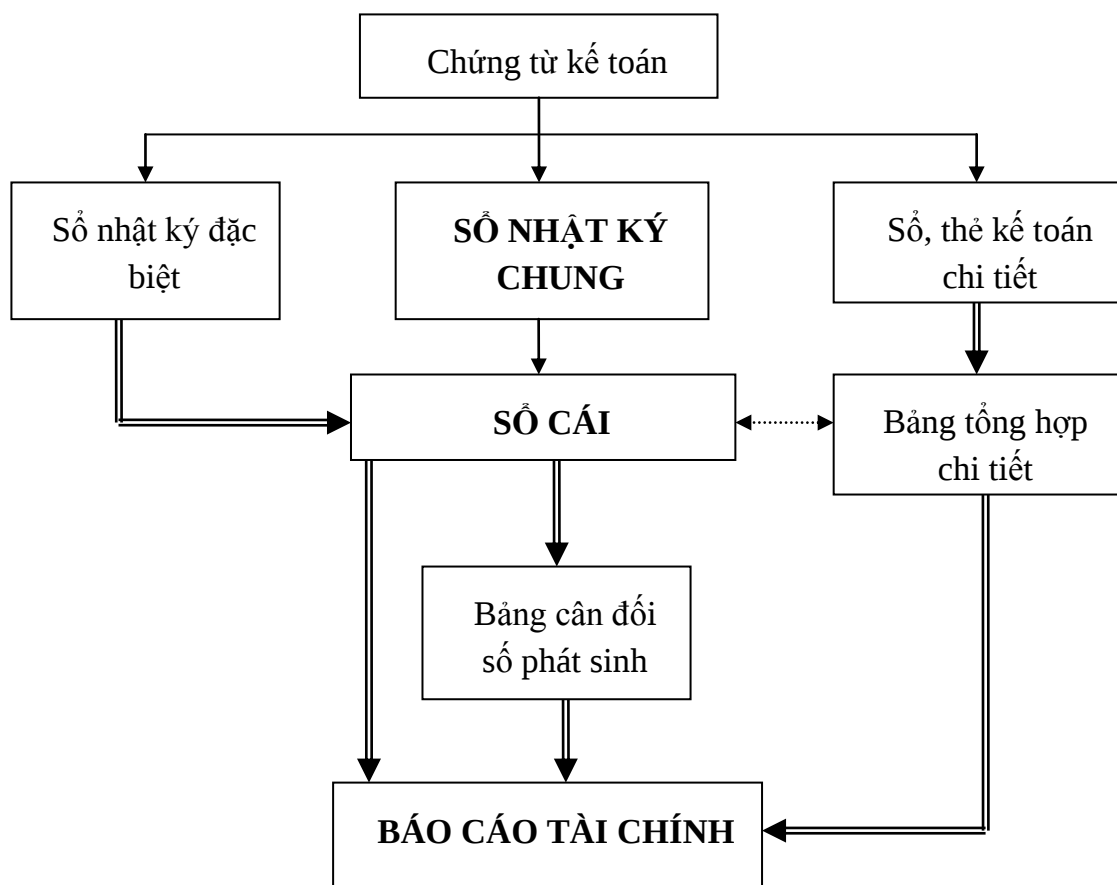
1.8.1 Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung : Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó.Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau :

- Sổ Nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

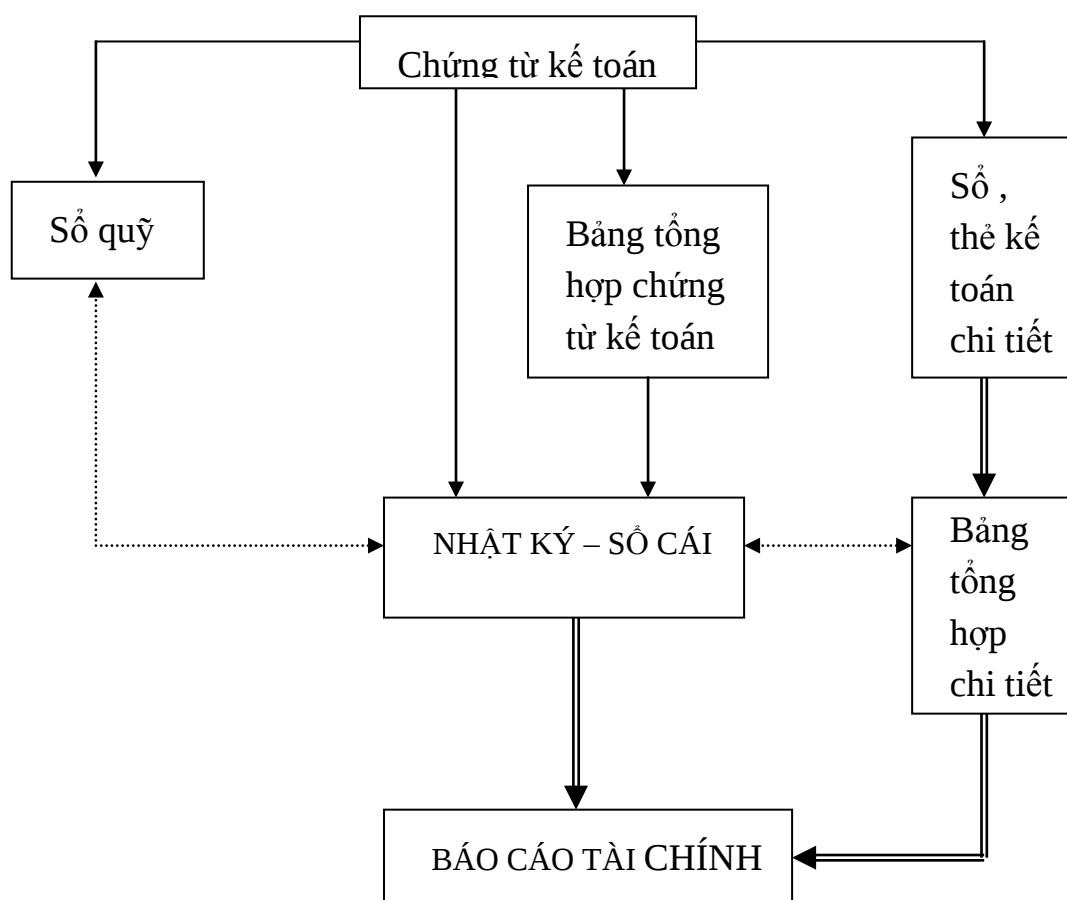
1.8.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái : Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau :

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ , thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

1.8.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ : Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

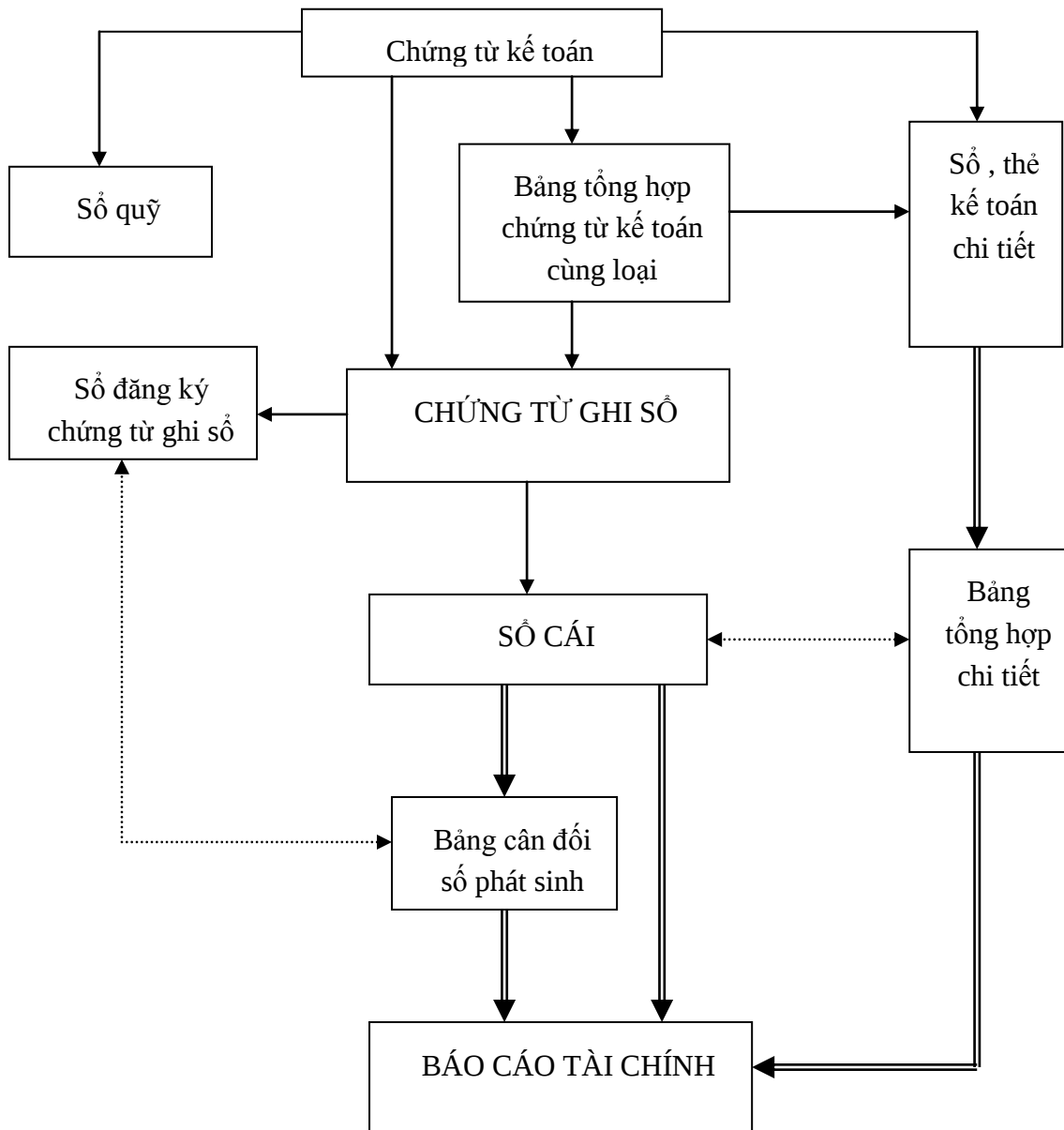
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại , có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm , phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau :

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ , thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←...→ Đối chiếu, kiểm tra

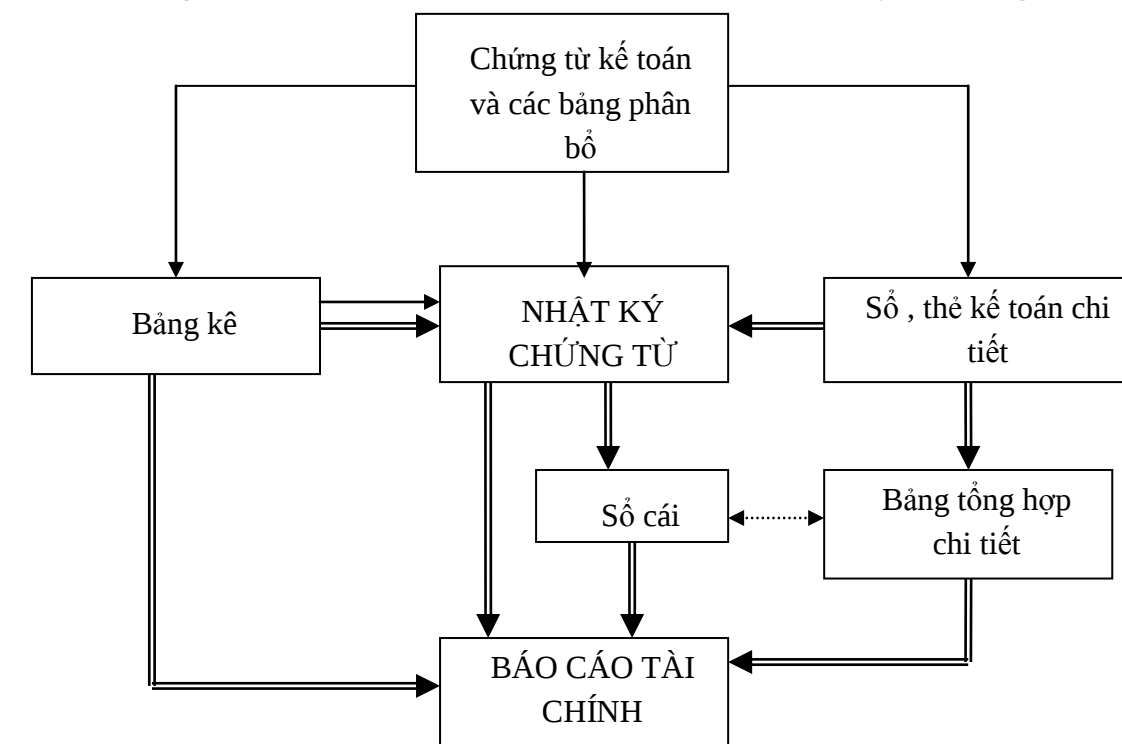
1.8.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký – Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng bên Nợ
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế , tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau :

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ Cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ



Ghi chú :

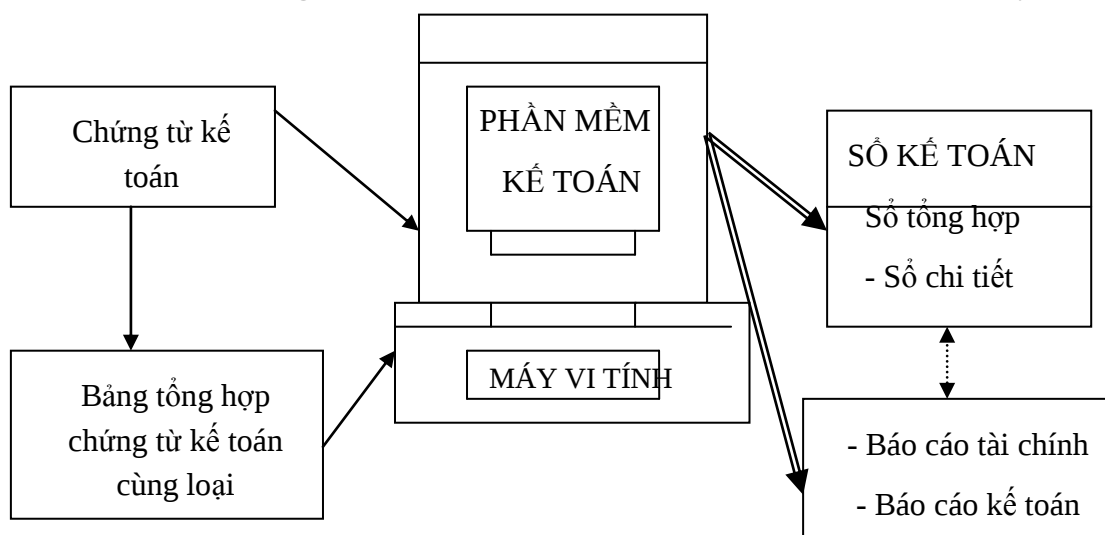
- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

1.8.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính :
Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT VIỆT HÀ

2.1 Tổng quan về công ty xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà

2.1.1 *Quá trình hình thành và phát triển của công ty.*

Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà (*Viet ha Construction and Interior Decoration Company*) được thành lập theo giấy phép số 204 - GP/UB ngày 17/03/1997 của UBND tỉnh Hà Tây. Việt Hà là công ty TNHH có hai thành viên trở lên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trụ sở giao dịch của công ty đặt tại : B50 TT3 Khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: 0433.546.589

Fax: 0433.546.589

Số vốn điều lệ của công ty là : 6.000.000.000 đồng

Công ty có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh. Công ty được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Công Thương và Ngân hàng Đông á. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của nhà nước. Công ty thực hiện chức năng kinh doanh theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành.

Sau hơn 10 năm trưởng thành và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và không ngừng mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động. Công ty đã sử dụng và khai thác các nguồn lực về vốn, lao động, tài sản có hiệu quả. Đồng thời công ty cũng mở rộng quan hệ với các đơn vị bạn, các tổ chức kinh tế trong nước và đã tạo được lòng tin đối với khách hàng. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, phương tiện, trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất và kết quả đạt được là lợi nhuận của công ty không ngừng tăng lên hàng năm, điều đó đã đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong công ty và giúp công ty phục vụ tái sản xuất.

Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

2.1.2 Lĩnh vực hoạt động, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty

a. Chức năng

- Thi công, tư vấn, khảo sát, thiết kế lĩnh vực xây lắp các công trình Xây dựng dân dụng, đường giao thông, thủy lợi, điện áp.....
- Kinh doanh mua, bán, ký gửi vật liệu xây dựng, nội ngoại thất,.....

b. Nhiệm vụ

- Căn cứ vào kế hoạch trên giao xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển ngắn hạn, trung và dài hạn của công ty phù hợp mục tiêu và từng giai đoạn. Xây dựng kế hoạch phân bổ cho các đơn vị trực thuộc. Đảm bảo về vật chất cho các đơn vị để hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức thực hiện thi công xây lắp, tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng và các công trình giao thông, thủy lợi,
- Ứng dụng công nghệ mới vào phát triển sản xuất trong lĩnh vực xây dựng.
- Thực hiện các chế độ và quy định về quản lý vốn, tài sản và các chế độ khác theo pháp luật.
- Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, ngân sách nhà nước, trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán theo quy định của cơ quan cấp trên và đại diện của chủ sở hữu.
- Thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động, từng bước đảm bảo việc làm cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên.
- Thực hiện các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, an ninh, quốc phòng.

c. Lĩnh vực hoạt động của công ty

Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà phát triển trong lĩnh vực:

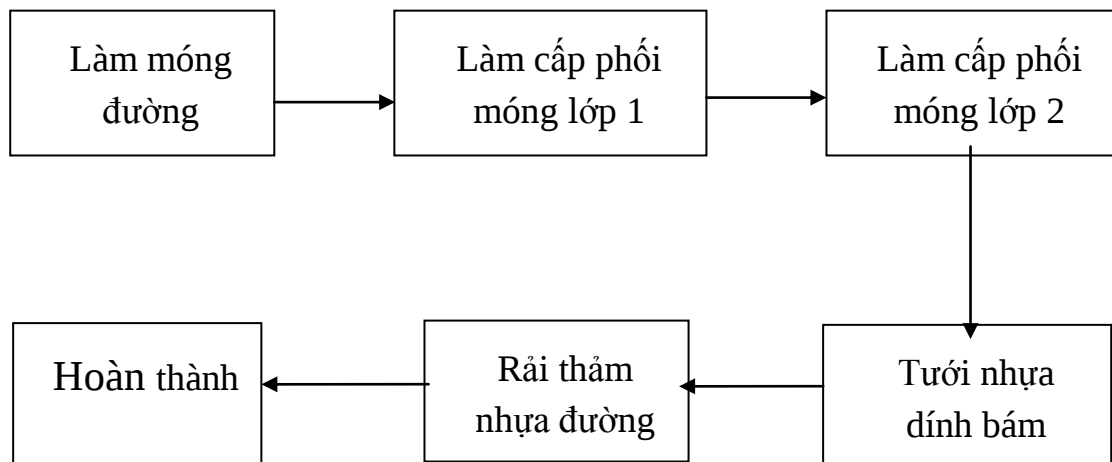
Thi công xây dựng các công trình dân dụng, đường giao thông, thủy lợi;

Xây dựng đường dây và trạm điện có điện áp đến 35KV; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Xây dựng cụm công nghiệp; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng....

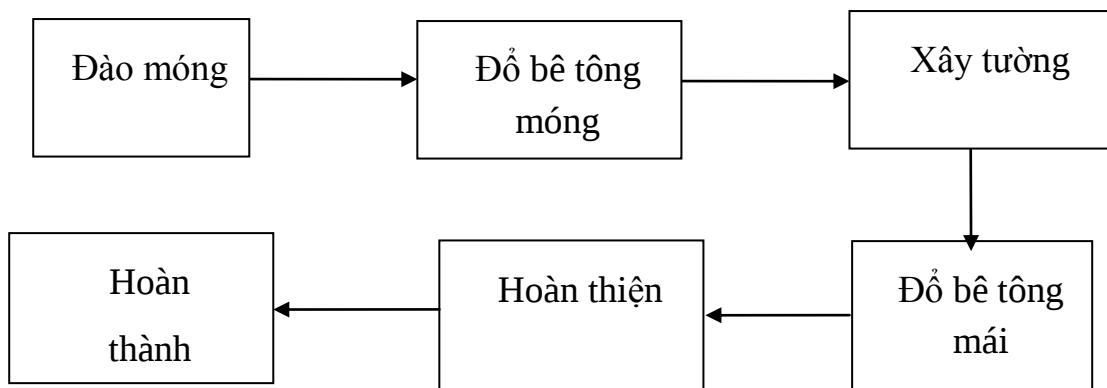
d. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty

Bên cạnh sự tác động của đặc điểm sản phẩm xây dựng thì việc tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất, hạch toán kế toán các yếu tố đầu vào còn chịu ảnh hưởng của quy trình công nghệ. Hiện nay công ty đang áp dụng quy trình công nghệ chủ yếu sau:

- Làm đường giao thông



- Làm nhà dân dụng:



Trên cơ sở nắm chắc các quy trình công nghệ của công ty sẽ giúp cho việc tổ chức quản lý và hạch toán các yếu tố chi phí đầu vào hợp lý, tiết kiệm chi phí không cần thiết, theo dõi từng bước quá trình tập hợp chi phí sản xuất đến giai đoạn cuối cùng. Từ đó góp phần làm giảm giá thành một cách đáng kể, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

e. Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Do đặc điểm của ngành xây dựng bao gồm nhiều lĩnh vực, hoạt động trên phạm vi rộng nên để đáp ứng được yêu cầu quản lý công ty đã chia công nhân thành các đội sản xuất nhỏ với chức năng và nhiệm vụ khác nhau. Khi công trình thi công, tùy theo đặc điểm yêu cầu kỹ thuật của từng công trình mà công ty sẽ giao cho các đội có chức năng đảm nhận tiến hành công việc. Thường thì lực lượng lao động ở các đội xây dựng kết hợp với nhau để thi công một công trình hay hạng mục công trình, nhưng cũng có thể có một đội thi công một công trình xây dựng do giám đốc giao cho. Với cơ cấu tổ chức như trên đã tạo điều kiện tổ chức quản lý chặt chẽ về mặt kinh tế, kỹ thuật với từng đội xây dựng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.1.3. Đặc điểm về tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh của công ty

a. Tổ chức quản lý của công ty

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, cùng với sự biến đổi không ngừng khẳng định Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà đã tổ chức bộ máy quản lý, gọn nhẹ, phù hợp như sau:

- **Giám đốc:** là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, là người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt động của công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty. Giám đốc đưa ra các đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của công ty.

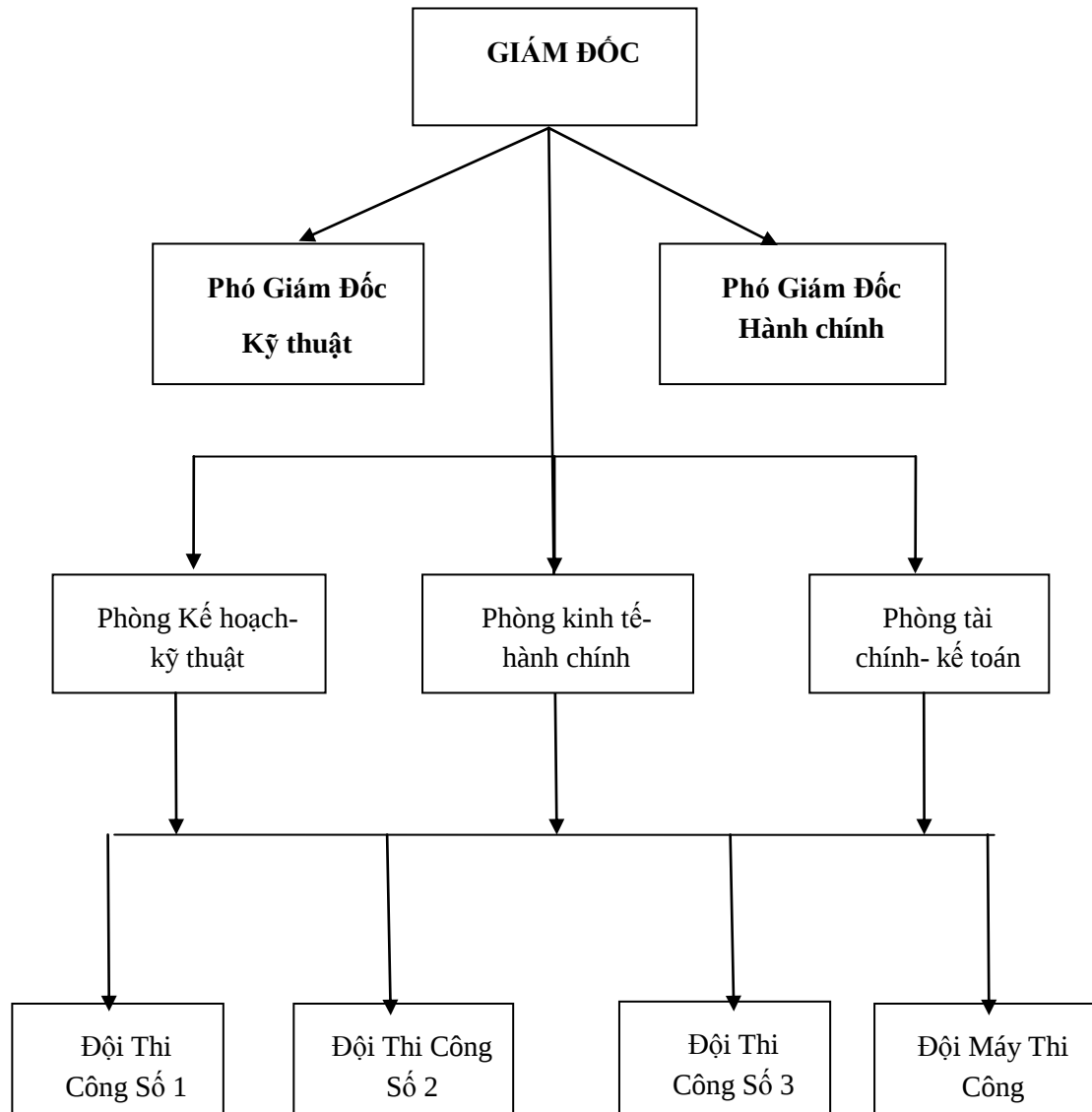
- **Phó giám đốc:** Dưới quyền giám đốc là phó giám đốc kỹ thuật và phó giám đốc hành chính, chịu trách nhiệm điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của giám đốc. Phó giám đốc hành chính chịu trách nhiệm điều hành bộ phận hành chính và tài chính- kế toán của công ty, phó giám đốc kỹ thuật trực tiếp quản lý và điều hành bộ phận kỹ thuật và quản lý thi công trong công ty, có trách nhiệm giám sát và quản lý trực tiếp các công trường xây dựng

- **Phòng Kinh tế- Hành chính:** Nghiên cứu lập kế hoạch hoạt động chung cho toàn công ty. Quản lý và tổ chức nhân sự trong công ty và thực hiện các công tác lao động tiền lương, BHXH, BHYT. Hỗ trợ các phòng ban khác soạn thảo văn bản, công văn và hồ sơ dự thầu.

- **Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật:** Nghiên cứu hồ sơ thiết kế, lập kế hoạch thi công cho từng công trình, quản lý và giám sát việc thi công về tiến độ và chất lượng thi công, lập dự toán và thiết kế các bản vẽ hồ sơ hoàn công. Giám sát các đơn vị thi công về kỹ thuật và theo đúng thiết kế Có trách nhiệm đảm bảo cho các công trình hoạt động liên tục, quản lý giao nhận vật tư và các trang thiết bị tại công trình, quản lý đội máy thi công. Công ty có tổ chức đội máy thi công riêng được quản lý bởi tổ trưởng tổ máy.

- **Phòng tài chính kế toán:** Tổ chức công tác tài chính- kế toán trong công ty. Tập hợp và huy động các nguồn tài chính, quản lý quỹ, thanh toán vật tư và tập hợp các chi phí của từng công trình.

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY
XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT VIỆT HÀ**



2.1.4 Kết quả kinh doanh của công ty một số năm gần đây

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007
1	Tổng tài sản	17.638.808.950
2	Tài sản lưu động	15.788.688.833
3	Tài sản nợ lưu động	9.418.530.460
4	Doanh thu thuần	30.188.715.371
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	145.158.869
6	Giá trị ròng	373.265.664
7	Vốn luân chuyển	8.220.278.490

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008
1	Tổng tài sản	17.427.230.141
2	Tài sản lưu động	16.065.157.206
3	Tổng tài sản nợ	17.427.230.141
4	Tài sản nợ lưu động	8.718.123.907
5	Doanh thu thuần	55.160.576.358
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	238.792.919
7	Giá trị ròng	614.038.934
8	Vốn luân chuyển	8.693.683.502

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009
1	Tổng tài sản	24.235.700.008
2	Tài sản lưu động	21.789.338.467
3	Tổng tài sản nợ	24.235.700.008
4	Tài sản nợ lưu động	13.437.700.008
5	Doanh thu thuần	75.479.067.213
6	Thuế nộp NSNN	2.184.242.000
7	Giá trị ròng	838.673.391
8	Vốn luân chuyển	10.800.000.000

2.1.5 Đặc điểm công tác Kế toán tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Phòng kế toán của Công ty gồm 4 người cùng với trang bị phương tiện kỹ thuật tính toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán của Công ty.

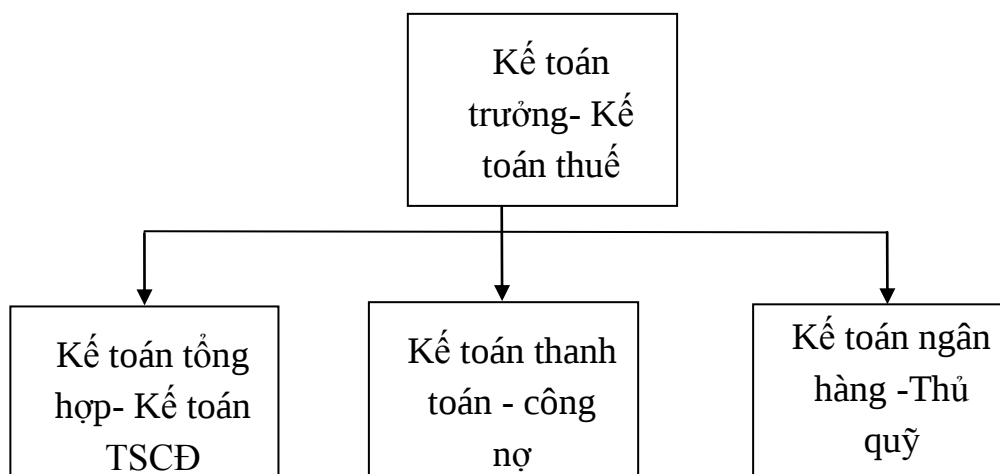
- **Kế toán trưởng** (đồng thời là kế toán thuế): Chịu trách nhiệm chung về công tác kế toán của công ty, là người điều hành bộ máy kế toán và trợ giúp giám đốc trong việc cân đối khả năng tài chính, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả. Xác định các khoản thuế, kê khai thuế và quyết toán thuế với cục thuế theo chế độ quy định, lập báo cáo tài chính.

- **Kế toán tổng hợp**: Tổng hợp số liệu, chứng từ, xác định kết quả kinh doanh trong từng kỳ, lập bảng lương, theo dõi công tác thu hồi vốn và công nợ các công trình, tổng hợp chi phí và tính giá thành các công trình, theo dõi, phân bổ và tính khấu hao tài sản cố định của công ty, tập hợp và hạch toán chi phí máy thi công.

- **Kế toán thanh toán và theo dõi công nợ**: Lập chứng từ thu-chi, thanh toán. Cân đối, lập kế hoạch công nợ và theo dõi, đối chiếu công nợ với khách hàng

- **Kế toán ngân hàng- Thủ quỹ**: Quản lý tiền mặt, theo dõi và đối chiếu các khoản tiền gửi ngân hàng. Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở những chứng từ hợp lý, hợp pháp đã được duyệt. Ghi sổ quỹ lập báo cáo quỹ cuối ngày cùng với chứng từ gốc nộp lại cho kế toán.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN



2.5.5.2 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty**a. Đặc điểm các chứng từ kế toán**

- Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm)
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc
- + Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Tính theo giá đích danh
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định áp dụng: Khấu hao đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

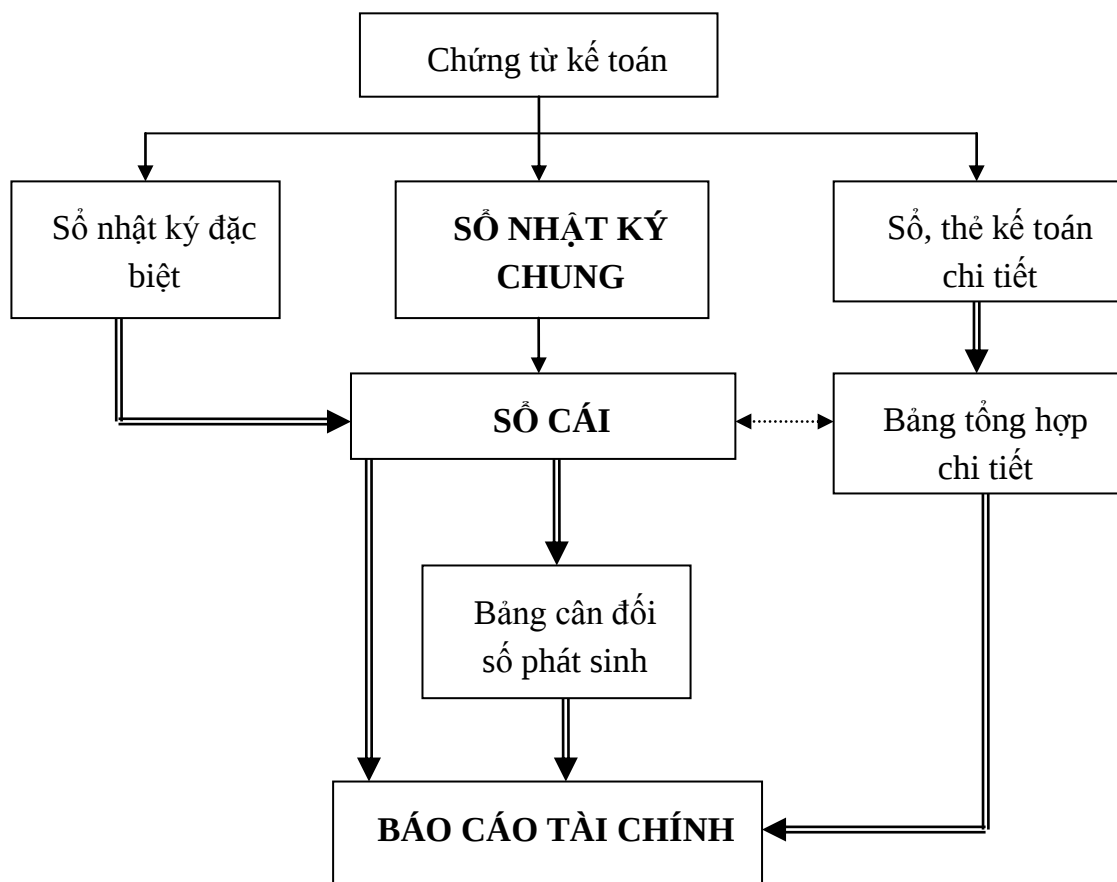
b. Hệ thống sổ kế toán tại công ty

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ nhật ký chung ,sổ cái các tài khoản.
 - + Sổ nhật ký chung: là loại sổ kế toán tổng hợp ghi theo các chứng từ phát sinh trong tháng, đảm bảo an toàn cho các chứng từ ghi sổ, có tác dụng đối chiếu với các số liệu ghi ở sổ cái.
 - + Sổ cái các tài khoản: là sổ kế toán tổng hợp ghi theo các tài khoản kế toán.
- Sổ chi tiết: sổ chi tiết các tài khoản, sổ chi tiết chi phí sản xuất công trình

2.1.6 Hình thức kế toán và phần mềm kế toán áp dụng tại công ty:**a) Hình thức kế toán tại công ty:**

Để đảm bảo việc tổ chức kế toán phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh của công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà đã lựa chọn hình thức kế toán “Nhật ký chung” là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp .

TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

(2) Hàng ngày, cũng căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ nhật ký đặc biệt (nếu có).

(3) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

b) Phần mềm kế toán áp dụng tại công ty

Hiện nay tại công ty mỗi kế toán được trang bị một máy vi tính và cùng sử dụng phần mềm kế toán KTV Accounting Software V7e để hạch toán các nghiệp vụ kế toán. Đồng thời mỗi kế toán chịu trách nhiệm một phần hành kế toán riêng sẽ lập sổ theo dõi trên Excel. Việc vận dụng máy tính trong công ty giúp cho công tác hạch toán, tổng hợp, kiểm tra của kế toán trở nên rất thuận tiện, hiệu quả và chính xác.

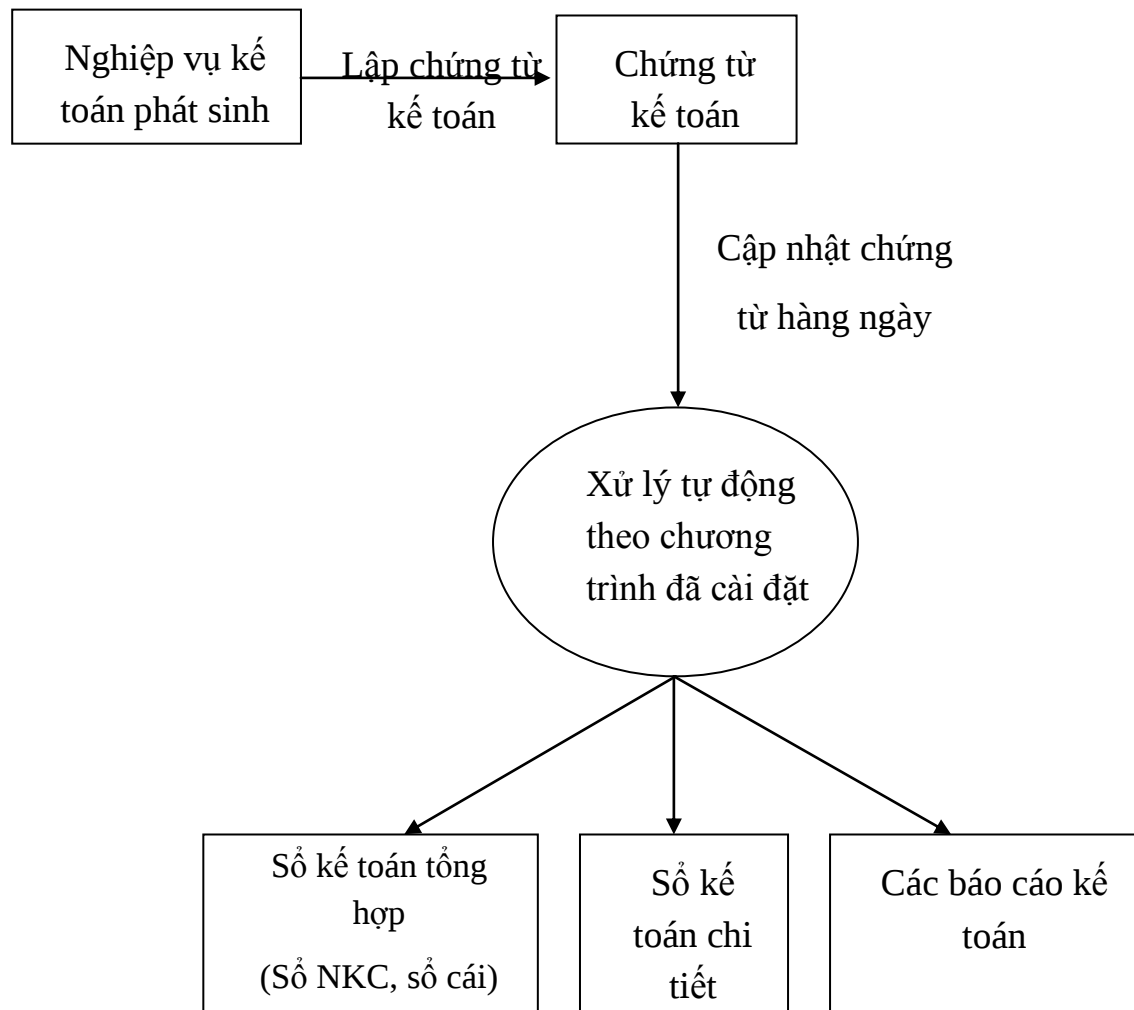


Khi Kế toán nhận được chứng từ phát sinh thì Kế toán tiến hành nhập vào phần mềm kế toán :

- + Bước 1 : Nhập vào biểu tượng " Nhập chứng từ" trên màn hình phần mềm kế toán
- + Bước 2 : Chọn ngày tháng chứng từ
- + Bước 3 : Chọn ngày tháng ghi sổ
- + Bước 4 : Chọn số hiệu chứng từ
- + Bước 5 : Diễn giải
- + Bước 6 : Nhập tài khoản phát sinh Nợ
- + Bước 7 : Nhập số tiền phát sinh Nợ
- + Bước 8 : Nhập tài khoản phát sinh Có
- + Bước 9 : Nhập số tiền phát sinh Có
- + Bước 10 : Kiểm tra đối ứng số phát sinh cân đối
- + Bước 11 : Ghi dữ liệu

Sau khi kế toán nhập thành công các bước trên Phần mềm kế toán sẽ tự động nhập dữ liệu vào sổ cái chi tiết các tài khoản và Sổ nhật ký chung

Quy trình xử lý số liệu phần mềm KTV Accounting Software V7e có thể tóm tắt như sau:



➤ Cập nhật chứng từ vào máy:



➤ Vào sổ kế toán tổng hợp:



➤ Vào sổ chi tiết tài khoản:



2.2 Nội dung công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.2.1. Phân loại chi phí

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, công ty phải bỏ ra những chi phí sản xuất bao gồm chi phí NVL, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung. Vậy để quản lý chặt chẽ những khoản chi phí trên công ty cũng phải tiến hành phân loại từng nhân tố sản xuất trong cơ cấu giá thành mới đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý.

Các công trình trước khi bước vào thi công, phòng Quản lý Dự án phải lập dự toán thiết kế trình lên các cấp xét duyệt và phân cấp, từ đó làm cơ sở để lập hợp đồng kinh tế. Các dự toán công trình xây dựng được lập theo từng hạng mục công trình và được phân tích theo từng khoản mục chi phí. Nên việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng phải phân tích theo từng khoản mục chi phí. Từ đó làm cơ sở so sánh kiểm tra việc thực hiện các khoản mục chi phí với từng khoản mục giá thành dự toán và giúp cho việc phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kì.

Cũng như các doanh nghiệp xây lắp khác Công ty xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà phân loại chi phí theo 4 khoản mục như sau:

- **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** bao gồm nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng được sử dụng phục vụ cho thi công công trình xây lắp trong công ty. Các loại vật liệu sử dụng phục vụ cho thi công công trình thường được mua từ bên ngoài về nhập kho. Còn riêng một số vật liệu như: đá, cát sỏi thì được mua và vận chuyển tới tại công trình.
- **Chi phí nhân công trực tiếp:** Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản tiền lương, tiền công được trả theo số ngày công của công nhân trực tiếp sản xuất tại công trình. Số ngày công bao gồm cả lao động chính, lao động phụ và cả công tác chuẩn bị và hoàn thiện công trình. Bao gồm: tiền lương chính, phụ cấp, tiền lương làm thêm giờ ... Việc tính đầy đủ các chi phí nhân công, phân phối tiền lương hợp lý sẽ khuyến khích cho người lao động tăng năng xuất, chất lượng hiệu quả công việc cao hơn.
- **Chi phí sử dụng máy thi công:** bao gồm toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc sử dụng máy thi công.
- **Chi phí sản xuất chung:** Chi phí sản xuất chung được tính trong giá thành sản phẩm bao gồm những chi phí phục vụ cho quá trình sản xuất chung mang tính chất chung của toàn đội. Bao gồm các chi phí liên quan đến quản lý, chi phí sửa chữa bảo quản máy móc thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, vận chuyển.... ở các đội sản xuất với tính chất chi phí phát sinh chung toàn đội nên đối tượng chịu chi phí là tất cả các công trình, do đó để hạch toán chi tiết xác định chi phí sản xuất chung cho từng công trình, kế toán tiến hành phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

2.2.2. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

*** Đối tượng tập hợp chi phí:**

Cũng như hầu hết các công ty xây lắp khác trong ngành, công ty xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà luôn coi trọng đúng mức việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Xuất phát từ đặc điểm ngành xây dựng, từ đặc thù của sản phẩm xây dựng và để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công tác quản lý, công tác kế toán... đó là, các công trình riêng lẻ, phát sinh tại các địa điểm và thời gian khác nhau vì thế đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành cho các công trình xây lắp là từng công trình và hạng mục công trình.

*** Phương pháp tập hợp chi phí:**

Công ty sử dụng phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp. Các chi phí liên quan đến đối tượng nào thì tập hợp theo đối tượng đó, còn với các chi phí phát sinh chung cho các đối tượng thì được tập hợp chung, cuối kỳ kế toán sẽ tiến hành phân bổ theo các tiêu thức như: định mức tiêu hao vật tư, định mức chi phí nhân công trực tiếp, tỷ lệ sản lượng, giá thành dự toán...

*** Đối tượng tính giá thành** có thể là công trình, hạng mục công trình xây lắp, các giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá trị dự toán riêng hoàn thành.

*** Kỳ tính giá thành:** Kỳ tính giá thành của công ty được xác định là hàng quý. Tuỳ theo các phần khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao theo kế hoạch hoặc theo hợp đồng ký kết trong quý, căn cứ vào tiến độ thực tế của công ty mà thực hiện bàn giao thanh toán từng khối lượng hoàn thành theo từng công trình.

*** Phương pháp tính giá thành:**

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & & & & & & \\ \text{khối lượng xây} & & \text{Chi phí thực tế của} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} \\ \text{lắp hoàn thành} & = & \text{khối lượng xây lắp} & + & \text{khối lượng xây lắp} & - & \text{khối lượng xây} \\ \text{bàn giao} & & \text{dở dang đầu kỳ} & & \text{phát sinh trong kỳ} & & \text{lắp dở dang cuối} \\ & & & & & & \text{kỳ} \end{array}$$

2.2.3 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

2.2.3.1 Nội dung Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là các nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp để xây dựng công trình. Căn cứ vào đặc điểm của từng công trình.

- NVL chính bao gồm: Sắt, thép, xi măng, gạch, cát, sỏi, đá, vôi, đất
- NVL phụ bao gồm: Sơn, đinh, bu lông, ốc vít

$$\text{Giá thực tế của NVL} = \text{Giá mua ghi trên hoá đơn} + \text{chi phí thu mua}$$

*** Phương pháp tập hợp.**

- Phương pháp tập hợp trực tiếp: Là chi phí trực tiếp nên được tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình. Trên cơ sở các chứng từ gốc phản ánh số lượng, giá trị vật tư xuất cho công trình, hạng mục công trình đó.

- Phương pháp tập hợp gián tiếp: Các nguyên vật liệu liên quan đến

nhiều công trình, hạng mục công trình trường hợp như vậy phải phân bổ theo một tiêu thức nhất định.

Tổng chi phí VLTT cần phân bổ trong kỳ	=	Giá trị NVLT còn lại đầu kỳ	+	Giá trị NVLT xuất dùng cho Sx trong kỳ	-	Giá trị NVLT còn lại cuối kỳ	-	Trị giá phế liệu thu hồi (nếu có)
---	---	--------------------------------------	---	---	---	---------------------------------------	---	--

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán

- Khi xuất kho vật liệu dùng cho sản xuất thi công thường sử dụng các chứng từ: Phiếu giao nhận vật tư, phiếu xuất kho.

- Khi mua vật liệu về sử dụng ngay không qua kho: Hoá đơn bán hàng, hoá đơn giá trị tăng.

2.2.3.3. Tài khoản hạch toán

Chi phí NVL trực tiếp được kế toán công ty hạch toán trên Tài khoản 621

Bên Nợ : - Giá thực tế của NVL trực tiếp xuất dùng, mua dùng thẳng.

Bên có: - Trị giá NVL dùng không hết nhập lại kho

- Trị giá phế liệu thu hồi bán thẳng

- Kết chuyển chi phí NVL thực tế đã sử dụng vào công trình

Tại công ty, tài khoản 621 được mở chi tiết cho từng công trình:

- Công trình đường Chàng Sơn Hương Ngải
- Công trình nhà văn hóa Hương Sơn
-

Do phạm vi hoạt động của công ty rộng, thi công nhiều hạng mục công trình nên trong khuôn khổ đề tài này em chọn: "Gói thầu số 02 Toàn bộ phần xây lắp và đảm bảo giao thông thuộc dự án ĐTXD công trình: Đường từ xã Chàng Sơn đến Hương Ngải huyện Thạch Thất, Hà Nội"

2.2.3.4 Trình tự hạch toán

- Căn cứ vào các phiếu xuất kho NVL, phiếu báo vật liệu còn lại cuối kỳ trước để lại sử dụng cho kỳ này kế toán ghi sổ :

Nợ TK 621- chi phí NVL trực tiếp

Có TK 152- nguyên liệu, vật liệu

Ví dụ : Hoá đơn GTGT : KR/2009B số 0077754 của công ty CP ĐT TM DV Kim Giang ngày 06/10/2009 mua Xi măng và thép xuất thẳng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải với khối lượng như sau:

TT	Tên Vật Tư	ĐVT	KL	ĐG	Thành tiền
1	Xi măng Nghi Sơn PCB40	Tấn	80	952.680	76.214.400
2	Thép D25	Kg	1500	10.600	15.900.000
3	Thép D22	Kg	3500	10.845	37.957.500
4	Thép D16	Kg	3250	10.845	35.246.250
5	Thép D12	Kg	2550	10.845	27.654.750
6	Cước vận chuyển				8.865.100
	Cộng				201.838.000
	Thuế GTGT(5%)				10.091.900
	Tổng cộng (VNĐ)				211.929.900

Ví dụ : Ngày 10/11/2009 Xuất kho 321 tấn Xi măng PCB 40 cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải, khi đó kế toán hạch toán:

Nợ TK 621 : 234.330.000

Có TK 152 : 234.330.000

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Số 10

Phiếu xuất kho

Ngày 10 tháng 11 năm 2009

Nợ TK 621

Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng: Trần Điệp Quân

Địa chỉ : Đường Chàng Sơn

Lý do xuất kho: Xuất xi măng cho CT

Hương Ngải

Xuất tại kho: Đường Chàng Sơn Hương Ngải

TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, sản phẩm hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Chứng từ	Thực tế		
1	<i>Xi măng PCB40</i>	<i>Tấn</i>		321	730.000	234.330.000
	Cộng					234.330.000

Cộng thành tiền (bằng chữ): Hai trăm ba mươi tư triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng

Người lập**Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Trong đó: Giá thực tế xuất kho được tính đúng bằng giá nhập do doanh nghiệp tính giá trị thực tế vật liệu xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.

Trị giá vật liệu xuất kho tính bằng số lượng thực xuất nhân với đơn giá.

Khi các chứng từ gốc được kế toán cập nhật vào phần mềm kế toán sẽ tự động nhập dữ liệu vào Sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản.

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Mẫu số S03A - DN

(Ban hành theo quyết định số

15/2006/QĐ - BTC ngày

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích quý IV/2009

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	TKĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
10/11	PX10	10/11	Xuất xi măng làm đường Chàng sơn Hương Ngải	x x	621 152	234.330.000	234.330.000
....					...	...	...
20/11	HĐ24	20/11	Mua đất, đá, cát làm đường Chàng Sơn	x x	621 331	160.725.453	160.725.453
21/12	HĐ25	21/12	VC đất, đá, cát làm đường Chàng Sơn	x x	621 331	159.592.378	159.592.378
....					...	...	...
30/12	PN28	30/12	Nhập lại kho xi măng	x x	152 621	15.330.000	15.330.000
....					...	...	...
31/12	30	31/12	KC CPNVLT công trình đường Chàng Sơn	x x	154 621	1.451.755.166	1.451.755.166
			Cộng phát sinh				

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Mẫu số S03B - DN
(Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ - BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: TK 621 - Quý IV /2009

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
10/11	PX10	10/11	Xuất xi măng làm đường Chàng sơn Hương Ngải	152	234.330.000	
....				...	...	...
20/11	24	20/11	Mua đất, đá, cát làm đường Chàng Sơn	331	160.725.453	
21/11	25	21/11	VC đất, đá, cát làm đường Chàng Sơn	331	159.592.378	
.....				...		
22/11			Xuất NVL cho công trình nhà văn hóa Hương Sơn	152	232.135.600	
.....				...		
			Cộng phát sinh quý		3.890.675.980	3.890.675.980
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tên công trình: Đường Chàng Sơn Hương Ngải

Số hiệu: TK621 - Quý IV /2009

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	N			Nợ	Có
06/10	HĐ4	06/10	Mua NVL của cty ĐT TM DV Kim Giang xuất thẳng cho công trình	331	201.838.000	
10/11	PX10	10/11	Xuất xi măng làm đường Chàng sơn Hương Ngải	152	234.330.000	
						
20/11	24	20/11	Mua đất, đá, cát làm đường Chàng Sơn	331	160.725.453	
						
30/12	PN28	30/12	Nhập lại kho xi măng	152	15.330.000	
30/12	30	30/12	Kết chuyển CPNVLTT	154		1.451.755.166
			Cộng phát sinh		1.451.755.166	1.451.755.166
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.4 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:***2.2.4.1. Nội dung của Chi phí nhân công trực tiếp***

Chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm: Tiền lương chính, các khoản phụ cấp lương của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân phục vụ thi công (vận chuyển, bốc dỡ vật tư, công nhân chuẩn bị thi công và thu dọn hiện trường).

2.2.4.2. Hình thức trả lương và chứng từ sử dụng

Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà áp dụng hai hình thức trả lương: Lương sản phẩm "lương khoán" và lương thời gian.

- Lương thời gian được áp dụng cho bộ máy quản lý chỉ đạo thi công. Tiền lương tính theo mức đã thỏa thuận với công ty và căn cứ vào bảng chấm công, sổ theo dõi công tác, đơn giá và các hợp đồng đã hoàn thành làm cơ sở trả lương.
- Lương khoán được áp dụng cho các bộ phận trực tiếp thi công xây dựng công trình theo khối lượng công việc hoàn thành và khoán gọn công việc. Công ty giao khoán đơn vị thi công và quản lý cả công trình cho đội xây dựng nên đội xây dựng chủ động trong quản lý lao động. Kế toán lương căn cứ vào khối lượng công việc đã hoàn thành của từng người, từng đội, căn cứ vào định mức tiền lương cho từng khối lượng công việc để làm cơ sở tính lương và được giao khoán theo hợp đồng giao khoán. Đơn giá giao khoán được đội trưởng công trình và tổ trưởng của các nhóm công nhân kỹ thuật dựa trên đơn giá của Nhà nước quy định và điều kiện cụ thể của từng công trình, hạng mục công trình.

Tiền lương khoán phải trả = KL công việc x Đơn giá tiền lương được giao

* Đối với công nhân trực tiếp sản xuất với số lương thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng lao động giữa Công ty xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà và công nhân thì số lương thỏa thuận là mức lương mà nhân viên nhận được khi làm đủ 01 tháng tính tròn 26 ngày. Tùy theo số ngày công thực tế làm việc sẽ tính mức tiền lương tương ứng cho công nhân theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương thực tế} \\ \text{của công nhân} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Mức lương thỏa thuận tính} \\ \text{cho 01 tháng} \end{array}}{\text{Số ngày làm việc trong tháng}} \times \begin{array}{l} \text{Số ngày làm việc} \\ \text{thực tế} \end{array}$$

- Chứng từ sử dụng : Kế toán chi phí nhân công trực tiếp sử dụng
 - + Bảng chấm công : Mẫu số 01- LĐTL (BB).
 - + Bảng thanh toán tiền lương : Mẫu số 02- LĐTL (BB).
 - + Phiếu nghỉ hưởng BHXH : Mẫu số 03- (BB).
 - + Bảng thanh toán BHXH.
 - + Bảng thanh toán tiền lương.
 - +.....

2.2.4.3. Tài khoản hạch toán

Kế toán hạch toán Chi phí nhân công trực tiếp trên tài khoản 622 "Chi phí nhân công trực tiếp"

Bên Nợ: Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Bên Có: Kết chuyển và phân bổ chi phí NCTT theo từng công trình,

2.2.4.4 Trình tự hạch toán

Ví dụ: Tính lương phải trả nhân công công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải là : 380.090.000 đồng, Kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 622 : 380.090.000

Có TK 334 : 380.090.000

- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo lương phải trả công nhân trực tiếp sản xuất, tính vào chi phí sản xuất :

Nợ TK 622- chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 338- phải trả, phải nộp khác

(chi tiết TK3382- KPCĐ; TK 3383- BHXH; TK 3384- BHYT).

Ví dụ : Tính BHXH, BHYT, KPCĐ theo lương phải trả nhân công công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải, Kế toán hạch toán như sau :

Nợ TK 622 : 72.217.100

Có TK 3383 : 57.013.500

Có TK 3384 : 7.601.800

Có TK 3382 : 7.601.800

- Tính trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất :

Nợ TK 622- chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 335- chi phí phải trả.

Ví dụ : Tính tiền lương nghỉ phải trả nhân công công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải tháng, Kế toán hạch toán như sau :

Nợ TK 622 : 28.000.000

Có TK 335 : 28.000.000

- Cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng sử dụng lao động :

Nợ TK 154- chi phí SXKD DD

Có TK 622- chi phí nhân công trực tiếp

Ví dụ : Đến ngày 31/12/2009 kế toán tổng hợp chi phí kết chuyển chi phí Nhân công trực tiếp đã dùng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải, Kế toán hạch toán như sau :

Nợ TK 154 : 480.307.100

Có TK 622 : 480.307.100

Đơn vị: Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà

Địa chỉ: Phúc La- Hà Đông –Hà Nội

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG CNTT SX

Quý IV năm 2009

Bộ phận: Công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải

TT	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số mức lương, cấp bậc hoặc HDLD	Tổng tiền lương và thu nhập nhận được				Các khoản phải nộp		Thực lĩnh
				Ngày công thực tế	Tiền lương được hưởng	Lương ngoài giờ	Tổng cộng	BHXH 5%	BHYT 1%	
1	Vũ Văn Thành	Tổ trưởng	3,500,000	78	11,375,000		11,375,000	568,750	113,750	10,692,500
2	Nguyễn Danh Cường	Tổ phó	3,300,000	78	10,725,000		10,725,000	536,250	107,250	10,081,500
3	Nguyễn Văn Đám	CN	2,800,000	78	9,100,000		9,100,000	455,000	91,000	8,554,000
4	Đinh Văn Quang	CN	2,800,000	78	9,100,000		9,100,000	455,000	91,000	8,554,000
5	Đinh Văn Huy	CN	2,800,000	78	9,100,000		9,100,000	455,000	91,000	8,554,000
6	Nguyễn Văn Luận	CN	2,800,000	78	9,100,000		9,100,000	455,000	91,000	8,554,000
7	Bùi Ngọc Sơn	CN	2,800,000	78	9,100,000		9,100,000	455,000	91,000	8,554,000
8	Nguyễn Thị Liên	CN	2,800,000	78	9,100,000		9,100,000	455,000	91,000	8,554,000
9	Nguyễn Cẩm Hải	CN	2,800,000	78	9,100,000		9,100,000	455,000	91,000	8,554,000
	...	...	...	...						
	Tổng cộng									

Đội trưởng

(Ký, họ tên)

Cán bộ tiền lương

(Ký, họ tên)

Kế toán

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà

Địa chỉ: Phúc La-Hà Đông-Hà Nội

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI
QUÝ IV/2009**

Đơn vị : Đồng

S T T	TK ghi Có	TK 334			TK 338				Tổng cộng
		Lương chính	Các khoản khác	Cộng có TK 334	KPCĐ (3382)	BHXH (3383)	BHYT (3384)	Cộng TK 338	
1	Công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải	380.090.000		380.090.000	7.601.800	57.013.500	7.601.800	72.217.100	480.307.100
2	Công trình NVH Hương Sơn	60.057.000		60.057.000	1.201.140	9.008.550	1.201.140	11.410.830	71.467.830
3	Công trình Bệnh viện tỉnh	490.580.000		490.580.000	9.811.600	73.587.000	9.811.600	93.210.200	583.790.200
		...		...	...		...	...	...
	Cộng								

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Mẫu số S03A - DN

(Ban hành theo quyết định số

15/2006/QĐ - BTC ngày

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV /2009

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
31/12		31/12	Tiền lương nhân công CT Đường Chàng Sơn	x x	622 334	380.090.000	380.090.000
31/12		31/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ	x x	622 338	72.217.100	72.217.100
31/12		31/12	Tiền lương nghỉ phép NC CT Đường Chàng Sơn	x x	622 335	28.000.000	28.000.000
31/12	34	31/12	Kết chuyển Chi phí NC TT CT Đường Chàng Sơn	x x	154 622	480.307.100	480.307.100
...	...	...		..	...	...	...
			Cộng phát sinh quý			2.134.755.000	2.134.755.000

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Sau đó máy sẽ chuyển số liệu vào sổ cái TK 622

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Mẫu số S03B - DN
(Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ - BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: TK 622 - Quý IV /2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
31	31/12	Tiền lương nhân công CT Đường Chàng Sơn	334	380.090.000	
32	31/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ CT Đường Chàng Sơn	338	72.217.100	
33	31/12	Tiền lương nghỉ phép NC CT Đường Chàng Sơn	335	28.000.000	
34	31/12	Kết chuyển Chi phí NC TT CT Đường Chàng Sơn	154		480.307.100
...			...		
		Cộng số phát sinh		834.649.500	834.649.500
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Tên công trình: Đường Chàng Sơn Hương Ngải

Số hiệu: TK622 - Quý IV /2009

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
31	31/12	Tiền lương nhân công CT Đường Chàng Sơn	334	380.090.000			
32	31/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ CT Đường Chàng Sơn	338	72.217.100			
33	31/12	Tiền lương nghỉ phép NC CT Đường Chàng Sơn	335	28.000.000			
34	31/12	Kết chuyển Chi phí NC TT CT Đường Chàng Sơn	154		480.307.100		
...			...				
		Cộng số phát sinh		834.649.500	834.649.500		

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công***2.2.5.1. Phương thức tổ chức đội máy thi công và nội dung của chi phí sản xuất chung***

Trong doanh nghiệp xây lắp thì máy thi công bao gồm các phương tiện, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho quá trình thi công. Đây là một trong những bộ phận không thể thiếu được trong quá trình thi công và chiếm một tỉ lệ không nhỏ trong tổng giá trị tài sản của công ty. Không những thế nó còn giúp công ty đẩy nhanh tiến độ thi công, nâng cao chất lượng công trình cũng như giảm một lượng hao phí nhân công đáng kể.

Trong một tháng máy thi công có thể phục vụ hoạt động cho một số công trình do vậy công ty giao máy cho các tổ đội để tạo điều kiện chủ động cũng như nâng cao chất lượng quản lý.

Các đội thi công có trách nhiệm bảo quản máy móc thông qua các chứng từ ban đầu là “Qui định điều động máy”. Đến cuối tháng phiếu này cùng các giấy tờ có liên quan sẽ được chuyển về phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ và phân bổ cho từng đối tượng sử dụng. Đội máy thi công của doanh nghiệp được hạch toán chung trong tập hợp chi phí sản xuất.

2.2.5.2. Chứng từ hạch toán

Đối với các khoản chi phí này, kế toán quản lý ghi sổ dựa trên chứng từ do kế toán đội thu thập và chuyển đến như: Hoá đơn GTGT, phiếu chi, bảng quyết toán nhiên liệu và các chứng từ liên quan khác. Sau khi kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ, kế toán định khoản và nhập dữ liệu vào máy, máy tự động vào sổ Nhật ký chung và sổ cái.

2.2.5.3. Tài khoản hạch toán

Kế toán hạch toán Chi phí máy thi công trên Tài khoản 623 : “Chi phí máy thi công”

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công thức tế phát sinh.

Bên Có: Phân bổ và kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình.

2.2.5.4. Trình tự hạch toán

Chi phí sử dụng máy thi công có liên quan đến công trình nào thì hạch toán cho công trình đó, các chi phí nhiên liệu, nhân công vận hành máy ... phân bổ theo chi phí khấu hao máy.

Các chi phí sử dụng máy thi công trong doanh nghiệp xây lắp là toàn bộ chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công để thực hiện khối lượng công việc xây lắp bằng máy theo phương pháp thi công hỗn hợp chi phí sử dụng máy thi công bao gồm các khoản :

- Chi phí nhân công lái máy tại công trình :

Nợ TK 623 (6231)- chi phí nhân công

Có TK 334- phải trả công nhân viên

Ví dụ: Trong tháng 11/2009 tình hình Lương nhân công lái máy thi công tại công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải kế toán hạch toán như sau :

Nợ TK 623 : 26.220.000

Có TK334 : 26.220.000

- Chi phí xăng, dầu chạy máy thi công tại công trình, Trường hợp vật liệu lấy từ kho

Nợ TK 623 (6232)- chi phí vật liệu

Có TK 152- Nguyên vật liệu

Ví dụ: Ngày 15/ 11/2009 xuất 8000 lít dầu Diesel để chạy máy thi công tại công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải, kế toán hạch toán như sau :

Nợ TK 623 : 76.727.200

Có TK152 : 76.727.200

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Số 15

Phiếu xuất kho

Ngày 15 tháng 11 năm 2009

Nợ TK 623

Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng: Đỗ Thị Thanh Nhân Địa chỉ : Đường Chàng Sơn Hương Ngải

Lý do xuất kho: Xuất dầu cho CT

Xuất tại kho: Đường Chàng Sơn Hương Ngải

TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, sản phẩm hàng hoá	đơn vị tính	Số lượng		đơn giá	Thành tiền
			Chứng từ	Thực tế		
1	Dầu Diesel	Lít		8000	9.591	76.727.200
	Cộng					76.727.200

Cộng thành tiền (bằng chữ): Bảy mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng.

Người lập **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

- Chi phí xăng, dầu chạy máy thi công tại công trình, trường hợp vật liệu mua

ngoài xuất dùng thẳng cho công trình :

Nợ TK 623 (6232)- chi phí vật liệu

Nợ TK 133- Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 3311- Tiền mặt, Phải trả người bán

Ví dụ : Hoá đơn KR/2009B Số 0078350, ngày 03/11/2009 Mua 715 lít dầu của Doanh nghiệp tư nhân Đức Tài dùng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải.

Nợ TK 6232 : 8.677.500

Nợ TK 1331 : 867.750

Có TK 111 : 9.545.250

- Trích khấu hao Máy thi công dùng cho sản xuất và quản lý tại công trình:

Nợ TK 623 (6234)- chi phí khấu hao TSCĐ

Có TK 214- khấu hao TSCĐ.

Ví dụ: Trong tháng 11/2009 tình hình Khấu hao máy thi công tại công ty như sau:

Nợ TK 6234 : 17.458.954

Có TK 2141 : 17.458.954

- Chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho máy thi công tại công trình :

Nợ TK 623 (6237)- chi phí dịch vụ mua ngoài

Nợ TK 133- Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 3311- Tiền mặt, Phải trả người bán

Ví dụ : Hoá đơn AB/2009T Số 1568458, ngày 20/11/2009 Sửa máy lu của công ty Vận tải Tân Bình dùng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải là 2.500.000 đồng

Nợ TK 6237 : 2.272.727

Nợ TK 133 : 227.273

Có TK 1111 : 2.500.000

- Cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ CPSDMTC cho các đối tượng tập hợp chi phí:

Nợ TK 154-CP SXKD DD

Có TK 623- chi phí máy thi công

Ví dụ : Đến ngày 31/12 /2009 kế toán tổng hợp chi phí kết chuyển chi phí Máy thi công đã dùng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải là:

Nợ TK 154 : 131.356.381

Có TK 623 : 131.356.381

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Mẫu số S03A - DN

(Ban hành theo quyết định số

15/2006/QĐ - BTC ngày

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV/2009

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
03/11	03	03/11	Mua dầu chạy máy CT Đường Chàng Sơn Hương Ngải	x x x	6232 133 331	8.677.500 867.750	9.545.250
15/11	15	15/11	Xuất dầu chạy máy CT Chàng Sơn Hương Ngải	x x	6232 152	76.727.200	76.727.200
....	...	...		...	...		
20/11	35	20/11	Sửa máy lu chạy CT Đường Chàng Sơn	x x x	6237 133 111	2.272.727 227.273	2.500.000
30/12	45	30/12	Tính lương nhân công lái máy CT Chàng Sơn	x x	6231 334	26.220.000	26.220.000
....	...	...		...	...		
31/12	50	31/12	Kết chuyển CP máy thi công CT Chàng Sơn	x x	154 623	131.356.381	131.356.381
			Cộng phát sinh			368.982.351	368.982.351

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Mẫu số S03B - DN
(Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ - BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản : Chi phí Sử dụng máy thi công

Số hiệu: TK623 - Quý IV /2009

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
03/11	HĐ50	03/11	<i>Mua dầu chạy máy CT đường Chàng Sơn</i>	331	8.677.500	
15/11	PX15	15/11	<i>Xuất dầu chạy máy CT đường Chàng Sơn</i>	152	76.727.200	
.....	...					
20/11		20/11	<i>Sửa máy lu chạy CT đường Chàng Sơn</i>	111	2.272.727	
31/12		31/12	<i>Tính lương nhân công lái máy CT đường Chàng Sơn</i>	334	26.220.000	
.....	...					
			<i>Kết chuyển CP MTC CT đường Chàng Sơn</i>	154		131.356.381
			<i>Cộng phát sinh</i>		259.034.090	259.034.090
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Tên công trình: Đường Chàng Sơn Hương Ngải

Số hiệu: TK623 - Quý IV /2009

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
03/11	HĐ50	03/11	Mua dầu chạy máy CT đường Chàng Sơn	331	8.677.500	
15/11	PX15	15/11	Xuất dầu chạy máy CT đường Chàng Sơn	152	76.727.200	
20/11		20/11	Sửa máy lu chạy CT đường Chàng Sơn	111	2.272.727	
31/12		31/12	Tính lương nhân công lái máy CT đường Chàng Sơn	334	26.220.000	
31/12		31/12	Trích KH máy thi công tại CT đường Chàng Sơn	214	17.458.954	
31/12		31/12	Kết chuyển CP máy thi công	154		131.356.381
			Cộng phát sinh		131.356.381	131.356.381
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.6 Kế toán chi phí sản xuất chung:**2.2.6.1. Nội dung của chi phí sản xuất chung**

Chi phí sản xuất chung trong doanh nghiệp xây lắp bao gồm : Lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công, nhân viên quản lý đội. Chi phí vật liệu sử dụng ở đội thi công, chi phí dụng cụ đồ dùng phục vụ cho chi phí quản lý sản xuất ở đội thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài sử dụng ở đội, chi phí khác bằng tiền phát sinh ở đội thi công.

2.2.6.2. Chứng từ hạch toán

Kế toán chi phí sản xuất chung sử dụng các chứng từ sau:

Hoá đơn GTGT, Hoá đơn bán hàng, Hoá đơn cước phí vận chuyển, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, biên bản kiểm kê vật tư sản phẩm hàng hoá, các chứng từ hướng dẫn như phiếu xuất kho vật tư theo hạn mức, biên bản kiểm nhận vật tư

2.2.6.3. Tài khoản hạch toán

Kế toán hạch toán Chi phí sản xuất chung trên tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung”

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ

Bên Có: Kết chuyển và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình.

2.2.6.4. Trình tự hạch toán

- Tiền lương (tiền công) và các khoản phụ cấp có tính chất tiền lương, tiền ăn giữa ca phải trả cho nhân viên công trình

Nợ TK 627 (6271)- chi phí nhân viên công trình

Có TK 334- phải trả công nhân viên.

Ví dụ: Tính lương phải trả nhân viên Quản lý công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải là : 20.460.000 đồng, Kế toán hạch toán như sau :

Nợ TK 627 : 20.460.000

Có TK 334 : 20.460.000

- Các khoản trích theo tiền lương phải trả nhân viên công trình, tính vào chi phí sản xuất kế toán hạch toán :

Nợ TK 627 (6271)- chi phí nhân viên phân xưởng

Có TK 338- phải trả, phải nộp khác (3382, 3383, 3384).

Ví dụ : Tính BHXH, BHYT, KPCĐ theo lương phải trả nhân viên công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải, Kế toán hạch toán như sau :

Nợ TK 627 : 3.887.400

Có TK 3383 : 3.069.000

Có TK 3384 : 409.200

Có TK 3382 : 409.200

- Trị giá thực tế NVL xuất dùng cho quản lý công trình:

Nợ TK 627 (6272)- chi phí vật liệu

Có TK 152- nguyên liệu, vật liệu.

Ví dụ : Ngày 20/11/2009 Xuất kho 100 lít dầu Diesel cho quản lý công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải, khi đó kế toán hạch toán trên phần mềm kế toán:

Nợ TK 627 : 1.145.455

Có TK 152 : 1.145.455

- Trị giá công cụ dụng cụ sử dụng trong công trình:

Nợ TK 627 (6273)- chi phí dụng cụ sản xuất

Có TK 153- trị giá CCDC xuất kho có giá trị không lớn

Có TK 142 (1421), 242- phân bổ giá trị CCDC có giá trị lớn.

Ví dụ : Đến ngày 30/11/2009 kế toán tổng hợp chi phí dụng cụ sản xuất đã dùng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải là 3.426.750 đồng.

Nợ TK 6273 : 3.426.750

Có TK 153 : 3.426.750

- Trích khấu hao TSCĐ dùng cho sản xuất và quản lý tại công trình:

Nợ TK 627 (6274)- chi phí khấu hao TSCĐ

Có TK 214- khấu hao TSCĐ.

Ví dụ : Kế toán trích khấu hao TSCĐ dùng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải là 15.389.559 đồng.

Nợ TK 6274 : 15.389.559

Có TK 214 : 15.389.559

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động tại phân xưởng, bộ phận sản xuất:

Nợ TK 627 (6277)- chi phí dịch vụ mua ngoài

Nợ TK 133- thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 111, 112, 331

Ví dụ : Hoá đơn AB/2009T Số 6087855, ngày 17/12/2009 Tiền điện dùng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải là 857.720 đồng.

Nợ TK 6277 : 779.745

Nợ TK 133 : 77.975

Có TK 111: 857.720

- Các khoản chi bằng tiền khác dùng cho hoạt động sản xuất

Ví dụ : Hoá đơn BQ/2009B Số 0075232, ngày 04/11/2009 Chi phí tiếp khách dùng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải là 2.755.000đồng.

Nợ TK 6278 : 2.755.000

Có TK 1111 : 2.755.000

- Cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ CPSXC cho các đối tượng tập hợp chi phí:

Nợ TK 154- CP SXKD DD

Có TK 627- chi phí sản xuất chung.

Ví dụ : Đến ngày 31/12/2009 kế toán tổng hợp chi phí và kết chuyển chi phí Sản xuất chung đã dùng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải, Kế toán hạch toán như sau :

Nợ TK 154 : 56.479.599

Có TK 627 : 56.479.599

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Mẫu số S03A - DN

(Ban hành theo quyết định số

15/2006/QĐ - BTC ngày

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Quý IV /2009

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
04/11	05	04/11	Chi phí tiếp khách	x x	6278 111	2.755.000	2.755.000
....	...	...			...		
20/12	31	20/12	Xuất dầu dùng công trình đường Chàng Sơn	x x	6272 152	1.145.455	1.145.455
30/12	50	30/12	Lương nhân viên quản lý công trình	x x	6271 334	20.460.000	20.460.000
...		...		...	...	...	...
30/12	52	30/12	Trích KH TSCĐ tại công trình	x x	6474 214	15.389.559	15.389.559
17/12	53	17/12	Tiền điện dùng tại CT Đường Chàng sơn hương ngải	x x x	6277 133 111	779.745 77.975	857.720
31/12	55	31/12	Kết chuyển CP SXC CT đường Chàng Sơn	x x	154 627	56.479.599	56.479.599
....	...	...		..	...	...	
			Cộng phát sinh			366.720.658	366.720.658

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Mẫu số S03B - DN

(Ban hành theo quyết định số

15/2006/QĐ - BTC ngày

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: TK627 – Trích quý IV/2009

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
04/11	05	04/11	Chi phí tiếp khách tại CT Đường Chàng sơn hương ngải	111	2.755.000	
30/11	23	30/11	Xuất CCDC ngắn hạn tại công trình	153	3.426.750	
20/1	31	20/12	Xuất dầu dùng công trình đường Chàng sơn	152	1.145.455	
30/12	50	30/12	Lương nhân viên quản lý công trình	334	20.460.000	
30/12	51	30/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ	338	3.887.400	
30/12	52	30/12	Trích KH TSCĐ tại công trình	214	15.389.559	
....	...					
30/12	60	30/12	Kết chuyển CP SXC công trình đường Chàng Sơn	154		56.479.599
....						...
			Cộng phát sinh		234.126.700	234.126.700
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Tên công trình: Đường Chàng Sơn Hương Ngải

Số hiệu: TK627

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
05	04/11	Chi phí tiếp khách tại CT Đường Chàng sơn	111	2.755.000			
23	30/11	Xuất CCDC ngắn hạn tại công trình	153	3.426.750			
31	20/12	Xuất dầu dùng công trình đường Chàng sơn	152	1.145.455			
50	30/12	Lương nhân viên quản lý công trình	334	20.460.000			
51	30/12	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ	338	3.887.400			
52	30/12	Trích KH TSCĐ tại công trình	214	15.389.559			
...							
60	30/12	Kết chuyển CP SXC công trình đường Chàng Sơn	154		56.479.599		
....					...		
		Cộng phát sinh		234.126.700	234.126.700		

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

2.2.7 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất***2.2.7.1. Tài khoản hạch toán***

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất của doanh nghiệp đã được tập hợp theo từng khoản mục chi phí để tính giá thành sản phẩm hoàn thành và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Để tập hợp chi phí sản xuất của toàn doanh nghiệp, kế toán tùy thuộc vào việc áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Kế toán sử dụng TK 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" để tập hợp chi phí sản xuất và cung cấp số liệu để tính giá thành sản phẩm, dịch vụ ở các doanh nghiệp sản xuất thuộc các ngành kinh tế và kinh doanh dịch vụ.

TK 154 được mở chi tiết cho từng công trình trên Phần mềm kế toán.

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ

Bên Có: Kết chuyển và phân bổ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cho các công trình.

2.2.7.2. Trình tự hạch toán

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí NVLTT, NCTT, CPSXC, CPSDMTC theo từng đối tượng tập hợp chi phí :

Nợ TK 154- chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Có TK 621- chi phí NL, VL trực tiếp

Có TK 622- chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 627- chi phí sản xuất chung

Có TK 623- chi phí máy thi công

Ví dụ : Đến ngày 31/12/2009 kế toán tổng hợp chi phí kết chuyển chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí NCTT, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sx chung đã dùng cho công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải, Kế toán hạch toán như sau

Nợ TK 154 : 2.135.228.246

Có TK 621 : 1.467.085.166

Có TK 622 : 480.307.100

Có TK 627 : 56.479.599

Có TK 623 : 131.356.381

Đơn vị: Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà

Địa chỉ: Phúc La - Hà Đông - Hà Nội

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT**Quý IV/2009***Đơn vị: đồng*

T T	Tên công trình	CPNVLTT	CPNCTT	CPSDMTC	CPSXC	Tổng
1	Đường Chàng Sơn	1.467.085.166	480.307.100	131.356.381	56.479.599	2.135.228.246
2	NVH Hương Sơn	224.389.455	60.057.000	25.128.260	49.370.906	358.945.621
...						

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

*(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)***2.2.8. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.**

Đặc điểm của sản phẩm xây lắp là có giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian thi công kéo dài. Vì vậy để tính giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ đòi hỏi phải xác định chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ.

Đến cuối mỗi quý lãnh đạo Công ty, kỹ thuật công trình cùng đại diện Phòng kế hoạch, Kỹ thuật tiến hành kiểm kê xác định khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ cho từng phần việc cụ thể. Sau đó Phòng kế hoạch, Kỹ thuật định đơn giá phù hợp với từng công việc của từng công trình cụ thể và tính ra chi phí dự toán của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ cùng với các tài liệu khác có liên quan gửi sang Phòng tài vụ để tiến hành xác định chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo công thức:

	<i>Chi phí thực tế</i>	<i>Chi phí thực tế</i>	
<i>Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp</i>	<i>khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ</i>	<i>+ khối lượng xây lắp phát sinh trong kỳ</i>	<i>Giá dự toán của khối lượng xây lắp</i>
<i>dở dang cuối kỳ</i>	<i>Giá trị khối lượng dự toán xây lắp hoàn thành bàn giao</i>	<i>Giá trị dự toán khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ</i>	<i>dở dang cuối kỳ</i>
$= \frac{0 + 2.135.228.246}{1.495.365.000 + 653.234.000} \times 653.234.000 = 649.168.900$			

Tại Công trình đường Chàng Sơn Hương Ngải, Quý IV/2009 có:

- Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ : 0
- Chi phí thực tế khối lượng xây lắp thực tế trong kỳ : 2.135.228.246
- Giá trị dự toán khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ : 1.495.365.000
- Giá trị dự toán khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ : 653.234.000

Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ :

$$= \frac{0 + 2.135.228.246}{1.495.365.000 + 653.234.000} \times 653.234.000 = 649.168.900$$

2.2.9 Kế toán tính giá thành sản phẩm

Xuất phát từ đặc điểm của công ty xây dựng thuộc loại hình đơn chiếc, quy trình sản xuất phức tạp, thời gian thi công dài, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, hạng mục công trình. Do vậy, đối tượng tính giá thành ở công ty được xác định là từng bộ phận công trình hoàn thành, giai đoạn công việc hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành. Kỳ tính giá thành của công ty được xác định là hàng quý.

Tuỳ theo các phần khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao theo kế hoạch hoặc theo hợp đồng ký kết trong quý, căn cứ vào tiến độ thực tế của công ty mà thực hiện bàn giao thanh toán từng khối lượng hoàn thành cho từng công trình. Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình.

Do các công trình xây lắp có thời gian thi công dài nên trong quý công ty chỉ tính giá thành cho các công trình có quyết toán giá trị xây lắp hoàn thành bàn giao (được bên A chấp nhận thanh toán). Hoặc các công trình hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý. Trường hợp này, giá thành thực tế của khối lượng xây lắp

hoàn thành bàn giao trong kỳ của từng công trình, hạng mục công trình được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Chi phí thực} & & \text{Chi phí thực} & & \text{Chi phí thực} \\ \text{thực tế khối} & & \text{tế của khối} & & \text{tế của khối} & & \text{tế của khối} \\ \text{lượng xây lắp} & = & \text{lượng xây} & + & \text{lượng xây} & - & \text{lượng xây} \\ \text{hoàn thành} & & \text{lắp dở dang} & & \text{lắp phát sinh} & & \text{lắp dở dang} \\ \text{bàn giao} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Theo công thức trên với số liệu của công trình Đường Chàng Sơn Hương Ngải trong quý IV năm 2009 ta có:

- + Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ: 0 đ
- + Chi phí thực tế khối lượng xây lắp phát sinh trong kỳ: 2.135.228.246 đ
- + Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ: 649.168.900 đ

Do đó, giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành trong quý của công trình Đường Chàng Sơn là: $0 + 2.135.228.246 - 649.168.900 = 1.486.059.346$ đ

Khi bàn giao công trình, hạng mục công trình kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 632 : 1.486.059.346

Có TK 154 : 1.486.059.346

Các công trình khác ta cũng tính tương tự như vậy.

Từ tài liệu tính giá thành của các công trình trong Quý IV/2009 kế toán lập bảng tổng hợp giá thành thực tế của các Công trình trong Quý IV/2009 và Sổ Chi tiết TK 154 như sau:

Đơn vị: Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà**Địa chỉ: Phúc La - Hà Đông - Hà Nội****BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THÀNH THỰC TẾ****Quý IV/2009***Đơn vị: Đồng*

TT	Tên công trình	Giá trị xây lắp DD đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Giá trị xây lắp DD cuối kỳ	Giá thành xây lắp
1	Đường Chàng Sơn	0	2.135.228.246	649.168.900	1.486.059.346
2	NVH Hương Sơn	54.329.600	358.945.621	34.209.720	379.065.501
...					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Mẫu số S03A - DN

(Ban hành theo quyết định số

15/2006/QĐ - BTC ngày

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích quý IV/2009

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển CP NVL TT công trình đường Chàng Sơn	X X	154 621	1.467.085.166	1.467.085.166
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển CPNC TT công trình đường Chàng Sơn	X X	154 622	480.307.100	480.307.100
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển CPSXC công trình đường Chàng Sơn	X X	154 627	56.479.599	56.479.599
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển CP máy thi công tại CT đường Chàng Sơn	X X	154 623	131.356.381	131.356.381
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển giá vốn công trình đường Chàng Sơn	X X	632 154	1.486.059.346	1.486.059.346
...		...			...		
			Cộng phát sinh			5.689.054.401	5.689.054.401

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Công ty XD và TT nội thất Việt Hà

Mẫu số S03B - DN

(Ban hành theo quyết định số

15/2006/QĐ - BTC ngày

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: TK 154 - Trích quý IV/2009

Đơn vị: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>		<u>216.198.300</u>	
31/12	PKT	31/12	<i>Kết chuyển CP NVL TT công trình đường Chàng Sơn</i>	621	1.467.085.166	
31/12	PKT	31/12	<i>Kết chuyển CPNC TT công trình đường Chàng Sơn</i>	622	480.307.100	
31/12	PKT	31/12	<i>Kết chuyển CPSXC công trình đường Chàng Sơn</i>	627	56.479.599	
31/12	PKT	31/12	<i>Kết chuyển CP máy thi công tại CT đường Chàng Sơn</i>	623	131.356.381	
31/12	PKT	31/12	<i>Kết chuyển giá vốn công trình đường Chàng Sơn</i>	632		1.486.059.346
...	...	...		..		
			<i>Cộng phát sinh</i>		4.149.235.794	3.582.502.764
			<i>Số dư cuối kỳ</i>		<u>782.931.330</u>	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tên công trình: Đường Chàng Sơn Hương Ngải

Số hiệu: TK154 – Quý IV/2009

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
PKT	31/12	Kết chuyển CP NVL TT công trình đường Chàng Sơn	621	1.467.085.166			
PKT	31/12	Kết chuyển CPNC TT công trình đường Chàng Sơn	622	480.307.100			
PKT	31/12	Kết chuyển CPSXC công trình đường Chàng Sơn	627	56.479.599			
PKT	31/12	Kết chuyển CP máy thi công tại CT đường Chàng Sơn	623	131.356.381			
PKT	31/12	Kết chuyển giá vốn công trình đường Chàng Sơn	632		1.486.059.346		
		Cộng phát sinh		2.135.228.246	1.486.059.346		

Số dư đầu kỳ: 0

Số dư cuối kỳ: 649.168.900

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT VIỆT HÀ

3.1 Đánh giá khái quát tình hình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà là một đơn vị rất nhạy bén trong công tác quản lý, phát huy những ưu điểm vốn có, công ty đã và đang tìm ra cho mình những bước đi mới và có những khởi sắc đáng mừng. Công ty đã khẳng định vị trí của mình trên thị trường bằng các sản phẩm xây lắp có chất lượng cao, kiểu dáng đẹp, giá thành hạ. Sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế đã giúp công ty từng bước hoà nhập với nhịp điệu phát triển kinh tế của đất nước, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm mở rộng thị trường, tăng lợi nhuận để tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ , công nhân viên trong toàn Công ty. Đặc biệt trong thời kỳ hiện nay khi Nhà nước đang áp dụng chính sách mở cửa, công ty đã và đang tìm kiếm bạn hàng, tìm kiếm đối tác kinh doanh để từng bước thâm nhập vào thị trường thế giới. Những thành quả công ty đã đạt được chỉ là bước khởi đầu, với sự nỗ lực không ngừng, trong tương lai công ty sẽ tiến xa hơn.

Bên cạnh việc tổ chức một bộ máy quản lý gọn nhẹ , hợp lý hoá sản xuất Công ty đặc biệt chú trọng tới công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Hạch toán đúng từ khâu chi phí sản xuất và hạch toán chính xác giá thành sản phẩm tạo điều kiện cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban Giám đốc Công ty ra các Quyết định đúng đắn, góp phần mang lại thắng lợi cho đơn vị trong điều kiện cạnh tranh thị trường.

Vấn đề tiết kiệm ngày càng được đề cao, nhất là tiết kiệm chi phí sản xuất, đó là mục tiêu phấn đấu, là một nhiệm vụ chủ yếu của Công ty. Vì vậy để đáp ứng yêu cầu quản lý nói chung và công tác quản lý chi phí nói riêng, nhất là trong điều

kiện đổi mới hiện nay, đòi hỏi công ty phải tổ chức kế toán chi phí công ty và tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, theo đúng nguyên tắc về đánh giá, phản ánh theo đúng giá thực tế tại mỗi thời điểm phát sinh chi phí, hạch toán và phân bổ chi phí theo đúng địa điểm phát sinh, đúng các đối tượng chịu chi phí, đối tượng tính giá thành, vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp vào từng đối tượng tính giá.

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, công ty đã có những chuyển biến cơ bản trong việc hạch toán chi phí sản xuất từ khâu xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành đến kế toán chi phí tổng hợp, kế toán chi phí giá thành, thực hiện việc ghi chép phản ánh một cách kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các chi phí hoạt động tính vào giá thành của công trình, hạng mục công trình và hạch toán phân bổ chi phí sản xuất chung.

Qua thời gian thực tập tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà, được tìm hiểu về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp em đã thấy được những ưu nhược điểm của công ty như sau:

3.1.1 Ưu điểm:

Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán tại công ty

- Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã đảm bảo quản lý và hoạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm, có hiệu quả. Cụ thể công ty đã quản lý lao động có trọng tâm và luôn động viên khuyến khích đối với lao động.

- Phòng kế toán của công ty được bố trí gọn nhẹ, với đội ngũ kế toán có trình độ cao, năng lực, nhiệt tình và trung thực đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán - Cách thức ghi chép, phương pháp hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán mới. Tổ chức công tác kế toán quản trị, tài chính rõ ràng, khoa học giúp giảm bớt khối lượng kế toán, kế toán viên có thể đáp ứng đầy đủ thông tin hữu dụng đến với yêu cầu quản lý của công ty cũng như các đối tượng liên quan khác.

Thứ hai: Về hệ thống sổ sách, chứng từ, phương pháp hạch toán tại công ty

- Hình thức sổ được sử dụng hiện nay ở Công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức sổ ghi chép đơn giản, thuận tiện cho việc áp dụng máy vi tính, nhất là trong điều kiện hiện nay Công ty đang tiến hành “Vi tính hoá” phục vụ cho công tác quản lý và hạch toán kế toán

- Công ty đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán mới, tổ chức công tác kế toán quản trị, kế toán tài chính rõ ràng... giảm bớt được khối lượng công việc ghi sổ kế toán, đáp ứng được đầy đủ thông tin hữu dụng đối với từng yêu cầu quản lý của Công ty và của các đối tượng khác có liên quan.

Hiện nay công ty sử dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, các chứng từ được kiểm tra luân chuyển một cách thường xuyên và phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho tại công ty là phương pháp kê khai thường xuyên, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, giúp Ban Giám đốc thường xuyên nắm được tình hình biến động hàng tồn kho và ra Quyết định một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

Thứ ba: Về tổ chức quản lý lao động, quản lý vật tư.

Công ty đã quản lý lao động có trọng tâm, luôn động viên, khuyến khích đối với lao động có tay nghề cao bằng chế độ thưởng phạt.

Việc quản lý và mua sắm vật tư được giao cho các đội nhưng phải đảm bảo phù hợp với giá cả thị trường tại địa điểm và thời điểm thi công công trình dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban vật tư công ty.

Thứ tư: Về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

* Về tổ chức công tác kế toán:

Công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán, giúp doanh nghiệp kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời, giảm nhẹ biên chế trong bộ máy làm việc.

*** Về tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán:**

Nhìn chung, hệ thống chứng từ tại Công ty được tổ chức đầy đủ và hợp lý căn cứ trên các quy định của chế độ chứng từ kế toán do Bộ Tài chính ban hành và đặc điểm kinh doanh của Công ty. Đồng thời kế toán Công ty cũng đã xây dựng được trình tự luân chuyển chứng từ một cách hợp lý, đảm bảo nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời và không ảnh hưởng đến các bộ phận khác. Nhờ thế, công tác kế toán nói chung được thực hiện minh bạch, rõ ràng, có căn cứ vững chắc và công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng tại Công ty được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng đầy đủ thông tin cần thiết cho Ban Giám đốc.

*** Về chính sách kế toán áp dụng tại Công ty ;**

- Công ty lựa chọn đối tượng tính giá thành là từng công trình hay hạng mục công trình. Lựa chọn như vậy, công ty có thể theo dõi chi phí theo từng công trình hay hạng mục công trình hoàn thành bàn giao, có thể xác định được lợi nhuận theo từng công trình. Tuy nhiên cùng với việc lựa chọn đối tượng tính giá thành là từng công trình hay hạng mục công trình, kế toán chỉ có thể tính giá thành giá thành sản phẩm khi công trình hay hạng mục công trình hoàn thành bàn giao. Do đó, kế toán không thể cung cấp những thông tin cần thiết về giá thành để đáp ứng nhu cầu quản lý kịp thời của Ban Giám đốc.

- Phương pháp tính giá thành áp dụng tại Công ty là phương pháp trực tiếp. Sử dụng phương pháp này sẽ giúp công tác tính giá thành đơn giản hơn, công việc tính toán của kế toán sẽ nhẹ nhàng hơn, tránh được những sai sót không đáng có do nhầm lẫn trong việc tính toán.

- Phương pháp, nguyên tắc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty đều căn cứ trên những quy định do Bộ Tài chính ban hành. Hệ thống chứng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp, hợp lý và đầy đủ. Do đó, công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty luôn đảm bảo chính xác và kịp thời. Điều này rất có lợi vì Công ty luôn có đầy đủ thông tin về chi phí, giá thành khiến cho việc quản lý, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm dễ thực hiện hơn.

3.1.2 Những tồn tại của công ty

Thứ nhất: Về thông tin kế toán

Trong công tác luân chuyển chứng từ vẫn còn những mặt tồn tại mà phòng kế toán cần phải có biện pháp khắc phục. Đó là, công tác luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng Tài chính-kế toán công ty vẫn còn sự chậm trễ. Thông thường, các chứng từ phát sinh sẽ được kế toán đơn vị tập hợp và chỉ đến cuối tháng hoặc cuối quý mới được chuyển về phòng tài chính Công ty để vào sổ nhưng có nhiều chứng từ phát sinh trong tháng này, kỳ này thì phải đến tháng sau, kỳ sau mới được gửi lên. Chính sự chậm trễ này đã làm tỷ trọng các khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm xây lắp giữa các tháng, các kỳ biến động lớn, phản ánh không đúng, không chính xác chi phí phát sinh trong từng tháng và làm cho các công việc kế toán không hoàn thành đầy đủ, đúng thời hạn và đồng bộ vì khối lượng công việc quá lớn thường bị dồn vào cuối kỳ kế toán.

Thứ hai : Về công tác quản lý chi phí và giá thành :

- Việc tổ chức quản lý chi phí còn chưa được chặt chẽ toàn diện, một số nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng còn bị lãng phí không tận dụng hết những vật tư, phụ tùng còn đang sử dụng được, các đội trưởng, chủ công trình còn đề nghị giám đốc mua sắm mới nhiều thiết bị, phụ tùng chính vì vậy mà đã làm giá thành tăng lên, làm giảm lợi nhuận của Công ty.

- Do áp dụng cơ chế khoán sản phẩm nên dẫn đến cả việc khoán luôn nguyên vật liệu, giờ công và các khoản chi phí phân bổ khác theo định mức thì khá hiệu quả, song bên cạnh đó do Công ty không giám sát được chặt chẽ được nên dẫn đến một số chương trình chưa đảm bảo chất lượng đề ra.

- Công ty chưa tiến hành trích các khoản theo lương theo quy định mới ban hành dẫn đến việc hạch toán chi phí sản xuất không chính xác.

- Đối với công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được cải cách trên mô hình công nghiệp, chịu sự chi phối sản xuất công nghiệp, nên khi vận dụng vào doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xây lắp với đặc thù riêng là có khó khăn.

3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà

3.2.1 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành.

- Do chiến lược phát triển kinh tế đòi hỏi các doanh nghiệp phải vận dụng các chuẩn mực và thông tư hướng dẫn để có xu hướng phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

- Do cần phải áp dụng phương pháp hạch toán kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

- Do có nhiều tồn tại trong công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nên cần phải hoàn thiện.

3.2.2 Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành.

✓ Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.

Mỗi quốc gia cần phải có một cơ chế tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

✓ Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc áp dụng các chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

✓ Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được các thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

✓ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi mang lại hiệu quả.

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành.

Qua thời gian thực tập tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà, được sự chỉ bảo tận tình của các anh, các chị phòng tài chính kế toán công ty, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng công tác tổ chức hạch toán kế toán của công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập với sự nhiệt tình nghiên cứu, em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty như sau:

□ Ý kiến 1 : Về tổ chức Bộ máy kế toán

Một bộ máy gọn nhẹ và hiệu quả luôn là mục tiêu hướng tới của doanh nghiệp. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, việc tổ chức Bộ máy kế toán quá đơn giản so với khối lượng công việc thì lại rất nhiều gây ra những khó khăn nhất định trong công tác kế toán nói chung, nhất là công việc của kế toán chi phí, giá thành là rất nhiều. Vì vậy, Công ty có thể tuyển thêm một hoặc hai nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn, đủ năng lực để có thể đảm nhiệm phần hành kế toán này, nâng cao tính hiệu quả trong công tác kế toán chung.

Cũng là vấn đề này, hiện nay, phòng kế toán có 4 nhân viên chịu trách nhiệm trong công tác kế toán của toàn công ty. Với khối lượng công việc lớn, đòi hỏi phải theo dõi các loại tài khoản hàng ngày thì số lượng nhân sự như vậy là tương đối mỏng. Đặt trường hợp có một người vắng mặt đột xuất trong thời gian công việc bận rộn thì cách giải quyết tình thế là người khác phải làm thay, nếu không thể đợi người đó trở lại nơi làm việc, để không làm trì trệ công việc chung, nhưng không chắc hiệu quả công việc sẽ đạt được như nhau. Chính vì thế, công tác đào tạo nguồn nhân lực cho phòng kế toán là cần thiết, bên cạnh việc cập nhật nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn cho các nhân viên hiện tại.

□ Ý kiến 2 : Về công tác luân chuyển chứng từ :

Công ty nên có biện pháp đôn đốc việc luân chuyển chứng từ từ phía kế toán đội, mà biện pháp tốt nhất đó là thực hiện về mặt tài chính. Xuất phát từ hình thức khoán của công ty là công ty tiến hành cho các đội tạm ứng tiền để tự lo nguyên vật liệu, nhân công thuê ngoài... cho nên để khắc phục những trệ trễ trong việc luân chuyển chứng từ, công ty cần thực hiện nghiêm túc quy định các đơn vị phải

nộp đầy đủ chứng từ lần này mới được cho tạm ứng tiếp.

□ Ý kiến 3 : Về đối tượng tính giá thành :

Khối lượng xây lắp của một công trình là tương đối nhiều. Hơn nữa, việc lựa chọn đối tượng tính giá thành là từng công trình hay hạng mục công trình gây khó khăn cho việc cung cấp những thông tin cần thiết về giá thành để đáp ứng nhu cầu quản lý kịp thời của Ban Giám đốc.

Vì thế nên theo em, ngoài việc lựa chọn đối tượng tính giá thành là từng công trình hay hạng mục công trình hoàn thành bàn giao thì doanh nghiệp nên lựa chọn thêm đối tượng tính giá thành là từng giai đoạn thi công hoàn thành. Điều đó sẽ vừa thúc đẩy được việc quản lý chi phí, vừa thúc đẩy quản lý tiến độ thi công sát sao hơn.

□ Ý kiến 4 : Về công tác kế toán nguyên vật liệu :

Trong thực tế tỷ lệ nguyên vật liệu hao hụt qua quá trình sản xuất ở các công trường của công ty khá cao: 3 - 4 %. Như vậy là lãng phí nguyên vật liệu, vì vậy để quản lý sát sao hơn khoản chi phí nguyên vật liệu, công ty nên áp dụng thêm một số biện pháp sau:

- Theo dõi chặt chẽ các khoản chi phí nguyên vật liệu trên các tài khoản cấp 2 của tài khoản 152 như chế độ kế toán quy định cho các doanh nghiệp xây lắp.
- Bên cạnh đó, Công ty nên mở thêm các tài khoản cấp 3, 4... cho tài khoản 1521 để quản lý, hạch toán chi tiết các loại nguyên vật liệu chính vì nguyên vật liệu chính trong ngành xây dựng cơ bản có giá trị rất lớn và đa dạng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong giá thành công trình.
- Kiểm tra chặt chẽ các chứng từ ghi chép tình hình nhập xuất nguyên vật liệu. Tổ chức đối chiếu định kỳ, bất thường kho nguyên vật liệu với số liệu của phòng kế toán để cuộc kiểm tra đạt hiệu quả.
- Theo dõi chặt chẽ số liệu phản ánh tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất được bộ phận sản xuất báo cáo, nhanh chóng phát hiện và tìm hiểu khi số lượng lãng phí, thất thoát vượt quá mức độ cho phép trong quá trình sản xuất, nếu có.

- Thực hiện các biện pháp thưởng phạt công minh đối với việc sử dụng và quản lý nguyên vật liệu.
- Hiện nay, những nguyên liệu chủ yếu thì hàng tháng được mua theo hợp đồng đặt hàng. Trong hợp đồng có những thoả thuận như đảm bảo về chất lượng, số lượng theo giá cả đã thoả thuận và luôn có những điều khoản là sẽ cùng nhau thoả thuận giá cả khi có những tình huống xấu ngoài ý muốn xảy ra. Chính vì vậy, chỉ đến cuối mỗi năm, bộ phận kế toán mới thực hiện việc đánh giá tình hình nguyên vật liệu đầu vào. Nếu được, công việc này nên tiến hành ít nhất là 2 lần trong một năm, vì đây là vấn đề rất quan trọng cần phải theo dõi thường xuyên, nhất là hiện nay Công ty đang thực hiện kế hoạch giảm chi phí sản xuất.
- Tất cả quá trình nhập xuất và quản lý nguyên vật liệu đều do phòng kế toán chịu trách nhiệm và chưa có sự phân công công việc rõ ràng dẫn đến việc cung ứng vật tư chưa kịp thời. Trong khi các công trình của công ty được thực hiện với giá trị tương đối lớn và cần đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng thi công khẳng định uy tín với các khách hàng. Theo em công ty nên thành lập một phòng ban hoặc một bộ phận chuyên trách về lĩnh vực cung ứng vật tư phục vụ thi công. Bộ phận này có nhiệm vụ liên hệ với nhà cung cấp, tìm các đối tác có khả năng cung cấp vật liệu đảm bảo chất lượng, số lượng và chủng loại cho công tác thi công. Sau đó làm hợp đồng và các thủ tục mua bán các loại nguyên vật liệu cần thiết.

□ Ý kiến 5:

Về việc trích khấu hao tài sản cố định cũng như máy thi công, theo em công ty nên tính mức trích khấu hao theo QĐ 206. Theo QĐ 206 TSCĐ được tính khấu hao theo ngày sử dụng mà không được làm tròn tháng, khi đó việc tính khấu hao sẽ chính xác hơn, phản ánh đúng chi phí trong kỳ của công ty.

$$\text{Mức trích} \quad \text{khấu hao} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Thời gian sử dụng}} \times \frac{1}{360} \times \text{Số ngày sử dụng}$$

- Ý kiến 6: Công ty nên tiến hành trích các khoản theo lương theo quy định mới của Nhà nước với tỷ lệ như sau:

Nội dung	BHXXH	BHYT	KPCĐ	BHTN	Tổng cộng
Tính vào chi phí SXKD	15%	2%	2%	1%	20%
Trừ vào lương người LĐ	6%	1,5%	-	1%	8,5%
Tổng	21%	3,5%	2%	2%	28,5%

Việc hạch toán đúng, đủ chi phí nhân công có ý nghĩa quan trọng trong việc tính toán, thanh toán tiền lương, tiền công thỏa đáng, kịp thời cho người lao động. Đồng thời sẽ phản ánh chính xác chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ và xác định đúng giá thành sản phẩm, cung cấp thông tin thiết thực cho nhà lãnh đạo. Qua đó góp phần khuyến khích người lao động, tăng năng suất lao động.

□ Ý kiến 7: Về quản lý chất lượng công trình :

Công ty có thể ban hành một cuốn sổ tay chất lượng để xác định và mô tả hệ thống quản lý chất lượng, các thủ tục đối với hoạt động trong hệ thống quản lý chất lượng. Nó thông tin những vấn đề kiểm soát cụ thể được thực hiện tại công ty để đảm bảo chất lượng công trình. Để xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và cải tiến liên tục tính hiệu lực của nó, các công việc cần làm, đó là :

- Truyền đạt trong công ty từ cấp cao nhất đến nhân viên về tầm quan trọng của việc đáp ứng các yêu cầu của kế hoạch cũng như yêu cầu của luật định đối với sản phẩm trong các cuộc họp.
- Xây dựng chính sách chất lượng của công ty.
- Chỉ đạo đại diện lãnh đạo thu thập thống kê các số liệu để đảm bảo việc xây dựng các mục tiêu chất lượng đúng và phù hợp với chính sách chất lượng đã lập ra.
- Đảm bảo hệ thống chất lượng được xây dựng, được duy trì, cung cấp đầy đủ các nguồn lực để thực hiện chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, thỏa mãn yêu cầu kế hoạch.
- Chủ trì các cuộc họp xem xét lãnh đạo, so sánh kết quả đạt được với mục tiêu chất lượng đã lập, quyết định các hoạt động cần thiết liên quan đến chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, phòng ngừa sự không phù hợp xảy ra và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng. Hiện nay, chứng chỉ chất lượng đang là vấn đề rất được quan tâm của bất kỳ doanh nghiệp nào muốn nâng cao uy tín trên thị trường. Do đó, càng nhanh chóng nhận được chứng

chi này thì trước hết doanh nghiệp càng tiết kiệm được chi phí thực hiện. Theo tinh thần thực hiện chứng chỉ này, hệ thống kế toán của doanh nghiệp cần được hoàn thiện cho phù hợp.

- Ý kiến 8 : Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác kế toán doanh nghiệp :

Vấn đề tổ chức dữ liệu và phương pháp xử lý dữ liệu là những đặc trưng cơ bản của một hệ thống thông tin. Tất cả các dữ liệu của doanh nghiệp được tổ chức lưu trữ chung trong một kho dữ liệu nào đó. Người sử dụng cần lập báo cáo gì thì chỉ cần thông qua hệ quản trị cơ sở dữ liệu để lấy dữ liệu từ kho chung phục vụ cho việc lập báo cáo. Cách tổ chức dữ liệu này dùng được cho cả hệ thống thông tin kế toán đơn lẻ hay là mạng nội bộ trong doanh nghiệp. Ưu điểm nổi bật của cách tổ chức dữ liệu này :

- Dữ liệu không trùng lặp nhau.
- Mọi người đều có thể dùng chung dữ liệu trong cơ sở dữ liệu.
- Dữ liệu tài chính và dữ liệu không có tính chất tài chính được gắn kết gần gũi và chặt chẽ với nhau.
- Khối lượng dữ liệu dữ trữ lớn mà vẫn đảm bảo tìm kiếm nhanh.
- Hệ thống có thể xử lý dữ liệu và lập báo cáo ngay khi nghiệp vụ xảy ra nên thông tin về hoạt động của doanh nghiệp được cung cấp kịp thời.

Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác kế toán của mình và hiện nay vẫn còn sử dụng phần mềm kế toán ấy trong công tác lập báo cáo thuế, quyết toán thuế mà không áp dụng cho cả các phần hành khác. Việc chấp vá này làm cho toàn bộ hệ thống kế toán của công ty chưa đạt được sự phối hợp tối đa, thông tin dữ liệu chưa được xử lý theo một trình tự nối tiếp liên tục trên hệ thống máy tính mà có những công đoạn vẫn còn được xử lý thủ công. Với việc Công ty đang xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, công tác cải cách hệ thống kế toán của Công ty theo các phần mềm kế toán mới hiện hành là điều nên xem xét thực hiện nhằm nâng cao hơn nữa khả năng kiểm soát và xử lý số liệu của kế toán.

- Ý kiến 9 : Một số biện pháp khác :

-Thỉnh thoảng công ty nên kiểm tra thiết bị tích trữ điện tạm thời cho hệ thống máy vi tính để dự phòng trường hợp mất điện đột ngột sẽ có thời gian chủ động ngưng hoạt động của máy, tránh những sự cố ảnh hưởng đến dữ liệu của máy.

- Bộ phận kế toán nên thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến

kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán, nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

3.3 Điều kiện thực hiện các giải pháp

Về phía nhà nước:

- + Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ rõ ràng. Ban hành các quyết định thông tư trong chế độ kế toán mang tính chất bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ tạo điều kiện cho công ty hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.

- + Có chính sách hỗ trợ trong quá trình công ty đầu tư trang thiết bị máy móc kỹ thuật để khuyến khích công ty.

Về phía công ty:

- + Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Triệt để cắt giảm mọi chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính, ngăn ngừa các hiện tượng thất thoát vật tư, tiền vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- + Phân đầu tìm kiếm các hợp đồng kinh tế mới để đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Để tận dụng được điều này công ty phải tận dụng các mối quan hệ có sẵn để có thể giao thiệp tạo các mối quan hệ mới với khách hàng mới và cử nhân viên đi khảo sát thị trường đồng thời tìm kiếm khách hàng.

- + Bên cạnh đó công ty nên tạo mối quan hệ bền vững với các khách hàng: Một đặc điểm nổi bật trong nền kinh tế thị trường hiện nay là tính cạnh tranh rất cao. Vì thế, việc giữ mối quan hệ bền vững lâu dài và tốt đẹp với khách hàng là điều rất cần thiết với doanh nghiệp để có thể tồn tại và phát triển.

- + Về nguồn nhân lực thực hiện kế toán: Có chính sách bồi dưỡng nâng cao thêm nghiệp vụ chuyên môn về kế toán để đội ngũ các nhân viên kế toán nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp thích ứng với yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị thế được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

KẾT LUẬN

Sự đổi mới của đất nước hôm nay cũng là một trong những thử thách của các doanh nghiệp trong toàn quốc nói chung và công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà nói riêng. Để có thể đứng vững trong nền kinh tế cạnh tranh của thị trường hiện nay thì công việc đầu tiên là phải biết kết hợp sử dụng đúng đắn các thông tin kinh tế trong quá trình quản lý cũng như trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp phải biết “sản xuất cái gì; sản xuất cho ai và sản xuất như thế nào” để đáp ứng được nhu cầu của thị trường hiện nay và điều cốt yếu là phải làm sao nâng cao được lợi nhuận. Muốn làm được điều này thì các doanh nghiệp nói chung và công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà nói riêng phải biết rằng chi phí sản xuất là luôn gắn liền với việc sử dụng tài sản, vật tư, lao động trong sản xuất, nên việc tính toán kịp thời, chính xác và đầy đủ giá thành là một trong những yếu tố để doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh của mình, từ đó có kế hoạch cụ thể cho những năm tiếp theo.

Đặc biệt để thị trường chấp nhận sản phẩm của mình, có điều kiện cạnh tranh với sản phẩm của các doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp phải đảm bảo được chất lượng công trình, giá thành hạ. Vì vậy tổ chức kế toán phù hợp và chính xác chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí giá thành, tổ chức kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung và từng bộ phận nói riêng, góp phần quản lý vật tư, lao động tiền vốn có hiệu quả.

Trong thời gian thực tập tại công ty, được hoà nhập với thực tế, được hiểu sâu sắc về bản chất của một số nghiệp vụ kế toán, đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng ở mỗi doanh nghiệp thực sự quan trọng và là một nhân tố góp phần quyết định cho sự tồn tại và vị trí của doanh nghiệp trong điều kiện thị trường hiện nay. Do trình độ còn hạn chế và với thời gian thực tập còn ít nên không tránh khỏi những vướng mắc sai sót. Rất mong được sự quan tâm giúp đỡ của các thầy, cô giáo để em hoàn thiện hơn nữa về bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn PGS.TS Thịnh Văn Vinh cùng toàn thể anh chị em trong Công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà đã tạo điều kiện hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này./.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2010
Sinh viên

Phạm Thị Hồng Chuyên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. Một số Website về kế toán tài chính
3. Các khoá luận năm trước
4. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà.
5. Một số thông tư, chuẩn mực của Bộ tài chính.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.....	3
1.2. Khái niệm, phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	3
1.2.1. Chi phí sản xuất.....	3
1.2.2. Giá thành sản phẩm.....	5
1.3. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	8
1.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất	8
1.3.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm	8
1.4. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất	9
1.5 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.....	9
1.6 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.....	19
1.7 Phương pháp giá thành sản phẩm	21
1.8 Tổ chức hệ thống sổ và báo cáo kế toán về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	22
1.8.1 Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.....	24
1.8.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	25
1.8.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	26
1.8.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký – Chứng từ	28
1.8.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT VIỆT HÀ.....	30
2.1 Tổng quan về công ty xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà	30
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	30
2.1.2 Lĩnh vực hoạt động, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm của công ty ...	31
2.1.3. Đặc điểm về tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh của công ty.....	33
2.1.4 Kết quả kinh doanh của công ty một số năm gần đây.	36

2.1.5 Đặc điểm công tác Kế toán tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà....	37
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	37
2.5.5.2 Chế độ kế toán áp dụng tại công ty.....	38
2.1.6 Hình thức kế toán và phần mềm kế toán áp dụng tại công ty:.....	38
2.2 Nội dung công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	44
2.2.1. Phân loại chi phí.....	44
2.2.3 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:.....	46
2.2.4 Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:.....	53
2.2.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công.....	61
2.2.6 Kế toán chi phí sản xuất chung:.....	69
2.2.7 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	75
2.2.8. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.	76
2.2.9 Kế toán tính giá thành sản phẩm.....	77
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT VIỆT HÀ	83
3.1 Đánh giá khái quát tình hình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty	83
3.1.1 Ưu điểm:.....	84
3.1.2 Những tồn tại của công ty	87
3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Xây dựng và trang trí nội thất Việt Hà	88
3.2.1 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành.....	88
3.2.2 Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành.	88
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành.	89
3.3 Điều kiện thực hiện các giải pháp.....	94
KẾT LUẬN	95
TÀI LIỆU THAM KHẢO	96